từ điện vô hình phảng phất quanh ngôi đền, khiến ai cũng thấy trong lòng dào dạt một sự bình an khó tả. Lối tu trong yên lặng không còn là một vấn đề trừu tượng, vô ích như họ nghĩ. Qủa thật xứ Ấn còn rất nhiều điều để cho người Âu học hỏi và suy nghĩ.

hết: Chương IV, xem tiếp: Chương V

Chương V

Thành phố thiêng liêng

Rishikesh! Một tên gọi linh thiêng, thành phố của các vị thánh. Từ lâu nay người ta đã coi thành phố này như một thánh địa mà tất cả những kẻ cầu đạo đều phải đến để đắm mình trong bầu không khí thiêng liêng. Rishikesh nằm

ở một vị trí đặc biệt và là cánh cửa vào rặng Hy Mã Lạp Sơn. Từ đó đi lên hướng bắc là rặng núi hùng vĩ, chứa đựng những điều huyền bí. Phía nam là con sông Hằng, dòng sông thiêng của Ấn giáo. Một người Ấn bất kể giai cấp, trí thức, đều ít nhất một lần trầm mình trong dòng nước này để đón nhận những ân phược mà dòng sông mang lại.

Đúng như lời người Ấn bí mật thành Benares đã nói, khắp nơi đâu đâu cũng có các đạo sĩ và tín đồ hành hương. Có những đạo sĩ mình hạc, xương mai vừa đi vừa tụng niệm các câu thần chú. Có các đạo sĩ khổ hạnh, chống gậy trầm tư bên dòng nước sông Hằng. Chen chúc bên các tín đồ huyên náo là các thuật sĩ , quần áo sặc sỡ biểu diễn những trò lạ lùng. Một đạo sĩ to lớn,

lực lưỡng, quấn khố bằng da cọp, uốn mình trong tư thế Yoga. Bên cạnh một thuật sĩ gầy gò, nằm lăn trên đất, lâm râm cầu nguyện. Có các vị tăng sang sảng đọc kinh bên cạnh những giáo sĩ vừa đánh trống vừa nhẩy nhót, ca hát tên các vị thần. Có những tu sĩ thiền định trong những hang đá đục sâu vào núi, không màng thế sự, bên cạnh những đạo sĩ râu tóc xồm xoàm, quấn mình trong những mảnh vải rách như một xác ướp. Có các tu sĩ nằm yên lặng, hơi thở thoi thóp như sắp chết, bên cạnh những thuật sĩ say sưa gọi tên thượng đế một cách ồn ào. Trong làn khói hương nghi ngút, các tín đồ hành hươong chen vai thích cánh, trên mặt ai cũng một niềm thành kính rõ rệt. Phái đoàn cảm tưởng như đang lạc vào một thế giới lạ lùng, huyền ảo, với

những nhân vật kỳ dị , khác thường.
Bác sĩ Kavir, giám đốc viện nghiên cứu Phạn ngữ (Sanskrit) của chính phủ là một học giả nổi tiếng, có một kiến thức rộng và đã sống ở Rishikesh nhiều năm . Theo ông ta thì Rishikesh không còn là một thành phố của các bậc chân tu đạo hạnh như xưa, mà là một nơi quy tụ rất nhiều thành phần hỗn tạp. Đa số là các đạo sĩ, tu sĩ nghèo nàn từ hình thức đến tinh thần. Họ góp nhặt vài phép tu, vài phương pháp dưỡng sinh, vài câu thần chú, rồi kiếm ăn qua sự mê tín của dân chúng. Phần lớn những tu sĩ này đều là những kẻ thất bại ngoài đời, lười biếng, không chịu làm việc. Đối với một quốc gia chậm tiến như Ấn độ, thì hình thức dễ nhất để có cơm ăn, áo mặc, và một mái nhà, là trở nên một tu sĩ,

sống trên lòng sùng tín của dân chúng. Vì không có một tiêu chuẩn kiểm soát nào, nên bất cứ ai cũng có thể trở thành tu sĩ; chỉ cần mặc áo tu sĩ, học thuộc vài câu kinh, vài hình thức lễ nghi, cúng tế là có thể tự xưng đạo sĩ, thánh nhân được rồi. Chính các tu sĩ, đạo sĩ giả mạo này là những kẻ làm hoen ố danh dự tôn giáo, lợi dụng đức tin để làm chuyện xằng bậy, ích kỷ cá nhân. Đã thế, họ còn tụ tập phe nhóm, phong chức tước, ca tụng lẫn nhau và đả kích những tu sĩ không cùng phe nhóm.

Được tin có phái đoàn ngoại quốc đến nghiên cứu nền minh triết cổ truyền, rất đông đạo sĩ, gíao sĩ tìm đến để tiết lộ những pháp môn huyền bí, dĩ nhiên, là với một giá biểu. Khi bị từ chối, lập tức họ sụt giá như người mua bán. Một đạo

sĩ đòi bán một cuốn sách bí truyền với giá 50 đồng tiền vàng, sau nhiều lần sụt giá, y bằng lòng để lại cuốn sách với giá một bữa ăn. Một nhóm tu sĩ danh xưng trọng vọng, chức tước đầy người đòi đến thảo luận triết lý với phái đoàn. Khi nghe họ giới thiệu về thành tích và đạo quả đạt được, phái đoàn cực kỳ ngẩn ngơ, vì toàn các bậc thần thánh gì đâu, chứ không phải người. Ai cũng tu cả trăm năm, đủ các phép thuật thần thông biến hoá. Tuy nhiên, khi một viên cảnh sát ở đâu bước vào thì các bậc "thần tiên" mặt mày lơ láo, kéo nhau bỏ chạy hết.

Quanh các chợ , có rất nhiều tu sĩ khổ hạnh phô trương thân thể tàn phế bị huỷ hoại như một công trình vĩ đại. Phái đoàn không hiểu họ có thể đạt đến điều gì, ngoài ít xu lẻ mà khách bộ

hành ném cho. Một số các đạo sĩ sử dụng tà thuật công khai. Với một giá biểu, họ sẵn sàng làm bùa chú, thư phù, nguyền rủa một kẻ thù của bạn, đem đến cho bạn một cô gái đẹp hoặc giúp bạn thành công trên thương trường. Đâu đâu cũng có đạo sĩ rao bán bùa ngãi hoặc xưng là đấng này, đấng nọ. Một tu sĩ đến gặp phái đoàn xưng là hậu thân của đấng Krishna và đã từng là Phật Thích Ca trong một tiền kiếp. Bác sĩ Kavir nổi giận ra lệnh tống giam ngay tu sĩ này. Khi cảnh sát đến còng tay, tu sĩ thú nhận, y chỉ là một học sinh thi rớt tiểu học, không sao kiếm được việc làm. Y đã lười biếng còn thích làm thầy kẻ khác, nên làm gì một thời gian cũng gặp khó khăn. Sau cùng, y cạo đầu, mặc áo tu và tự xưng là Krishna giáng thế, một số dân quê tin

những lời tuyên bố của y. Họ quyên góp, xây cho y một ngôi đền. Y sống trên phẩm vật dâng cúng của tín đồ, một cách ung dung chẳng tu hành gì hết. Đã thế, y còn đòi hỏi này nọ, chê ngôi đền quá nhỏ bé không xứng với chức tước của y. Quen thói hống hách, lừa bịp, khi nghe tin có phái đoàn ngoại quốc đến thăm viếng, y dở trò bịp bợm để mong kiếm được món tiền nhỏ. Lịch sử Ấn độ cho thấy khi xưa Rishikesh là một thánh địa thiêng liêng, một nơi các tu sĩ thánh thiện đến để tu học. Sau này, khách hành hương quá đông, một số hành khất kéo nhau đến đây hành nghề. Thấy làm đạo sĩ coi bộ dễ kiếm ăn hơn nên nhiều hành khất đã "chuyển nghề" trở thành các đạo sư, gíao sĩ chuyên làm tiền các tín đồ ngây thơ, nhẹ dạ.

Dĩ nhiên, Rishikesh vẫn còn các tu sĩ học thức, dành trọn đời cho việc đi tìm chân lý. Họ vẫn tu hành quanh đó không để ý đến sự kiện các tu sĩ giả lợi dụng sự có mặt của họ để mưu cầu lợi lộc. Đó cũng là một nét đặc thù của nền văn hoá xứ này. Một người Âu Mỹ chắc chắn không thể chấp nhận sự kiện như thế, họ sẽ nhờ luật pháp can thiệp hoặc cảnh cáo những tu sĩ bất lương. Nhưng Ấn giáo không có một tổ chức chặt chẽ như Thiên chúa giáo. Các giáo sĩ quan niệm có nhiều đường tu khác nhau, ai tu nấy chịu và những kẻ mạo danh, lợi dụng sẽ phải chịu hậu quả ở một kiếp sau.

Giáo sư Kavir cho biết, theo thời gian, khi nền văn hoá suy đồi, cuộc sống trở nên khó khăn, các bậc tu sĩ thánh thiện mỗi ngày một hiếm, thì các

đạo sĩ, thuật sĩ giả mạo nổi lên mỗi ngày một nhiều. Hàng ngàn người dốt nát, vô học đi lang thang với các chức tước rất lớn như đạo sư, giáo sĩ, thánh nhân. Họ chỉ chờ những ngày hội, ngày lễ là xuất hiện quanh các đền, chùa lên mặt này nọ để quyên tiền. Dĩ nhiên họ là gánh nặng của xã hội, vì chỉ thụ hưởng mà không làm lợi ích gì. Đó cũng là lý do nhiều người Âu Mỹ đã coi thường gia tài văn hoá xứ Ấn. Xét cho cùng, một phần lỗi cũng là do sự tôn sùng tôn giáo quá mạnh của dân chúng. Họ không phân biệt một đạo sư tu hành chân chính, gìn giữ giới luật nghiêm minh, với những kẻ bịp đời. Lòng sùng tín khiến họ trở nên ngây thơ, nhẹ dạ, sẵn sàng làm theo sự mách bảo của các bậc tu hành. Một lý do nữa là sự ỷ lại vào sức mạnh thần quyền.

Đa số các tín đồ mải mê với sinh kế, không có thì giờ lo việc tinh thần, nên họ uỷ thác cho các giáo sĩ cầu nguyện dùm, và đồng hoá việc giải thoát với việc trung thành vào một bậc giáo sĩ. Đa số các giáo sĩ lợi dụng vấn đề này tối đa, hứa hẹn sẽ chăm lo tinh thần giáo dân bằng cách cầu nguyện cho họ. Các giáo sĩ này tự hào đã tu hành đắc đạo, đã có thể nói chuyện trực tiếp với thượng đế. Và là người trung gian giữa trời và người. Họ sống trong các đền đài đẹp đẽ, hưởng thụ vật dụng được cúng, và nhân danh thượng đế để đòi hỏi này nọ. Người Á châu bản tính không thích hoài nghi, chấp nhận việc các tu sĩ nói ra ý muốn của thượng đế, và tuân hành triệt để. Cũng vì thế, các tài liệu tôn giáo Ấn độ đã bị sửa đổi rất nhiều, không phân biệt được điều có

thật với những sự kiện huyền hoặc. Các tu sĩ tha hồ trích dẫn những câu nói bí ẩn, và giảng ra theo ý nghĩa có lợi nhất cho họ. Xứ Ấn độ phân biệt giai cấp rõ ràng, tu sĩ luôn đứng hàng đầu trên cả vua chúa, quý phái. Giai cấp tu sĩ không làm gì, chỉ hưởng thụ và các giai cấp khác có bổn phận phải cung cấp các nhu cầu đòi hỏi của tu sĩ. Cũng vì không làm gì, quá nhàn hạ, họ đâm ra chống báng , đả kích lẫn nhau. Mỗi người tự lập một giáo phái, xưng hùng, xưng bá, giảng kinh điển theo quan niệm của mình từ cụ thể đến trừu tượng, như Thời gian luận, Phương hướng luận, Đa nguyên luận…Không ai chịu theo ai, và còn tranh luận lung tung khiến các tín đồ không còn biết đâu mà lần. Cũng vì xã hội nghèo đói, rối ren, tinh thần lại điên đảo bởi các tà thuyết,

nên từ bao năm nay, Ấn độ không sao trở nên một quốc gia hùng cường, thịnh vượng như các xứ khác. Tuy thế, với gia tài minh triết lớn lao tiềm ẩn, vẫn có các bậc chân tu đạo hạnh, sống kín đáo để giữ cho ngọn lửa tâm linh luôn cháy sáng và vẫn có những người tha thiết mong cầu chân lý, sẵn sàng từ bỏ tất cả để đi tìm chân lý. Sự kiện từ bỏ tất cả để đi tìm đạo cũng là một nét rất đặc biệt của Á châu, vì người Âu Mỹ khó có thể chấp nhận vấn đề từ bỏ của cải, vật chất, để chạy theo một viễn ảnh trừu tượng, viễn vông, không thiết thực. Người Âu cả quyết rằng sự tìm kiếm chân lý là vô ích, hạnh phúc là hưởng thụ tất cả những gì cuộc đời có thể mang lại vì chết là hết! Nếu như thế, thì mục đích cuộc đời là gì ? Tại sao chúng ta lại sinh ra để chết ?

Văn hoá Âu tây đã không giải thích được vấn đề này một cách rốt ráo. Biết bao nhà triết học nổi danh đã nhức óc về đề tài này, nhưng đa số đều chỉ nói một cách quanh co, không đi đến một kết luận nào chắc chắn. Họ chỉ nói rằng có thể như thế này, hay cũng có thể như thế khác mà thôi. Cho đến khi người Âu thật sự giao tiếp với người Á châu, thì họ bỗng bật ngửa, vì tất cả những gì họ thắc mắc thì người Á châu đã có những câu trả lời từ nhiều ngàn năm về trước. Lịch sử đã ghi nhận có những người Âu đến viếng thăm Á châu và say mê nền minh triết xứ này, đến nổi quên cả mục đích chính của chuyến đi. Điển hình là đại đế Alexander xứ Hy Lạp, vị hoàng đế, bách chiến bách thắng đã chinh phục thế giới, dẹp tan Ai cập, quét sạch Ba tư , mở

rộng bờ cỏi đến tận Ấn độ dương. Khi đến Ấn độ, ông là một kẻ chinh phục, oai danh lừng lẫy nhưng khi trở về nước, ông đã trở nên một triết gia khiêm tốn, nhã nhặn. Hoàng đế Alexander, học trò của hiền triết Aristotle đã bị các bậc hiền giả xứ Ấn chinh phục. Khi dẹp tan các đạo binh của hoàng đế Ấn độ, Alexander cho mang tất cả những tướng chỉ huy xứ Ấn đến hạch hỏi. Ông vua kiêu căng lớn tiếng, "Thua trận như vậy, các người đã chịu phục ta chưa ?". Nếu là trường hợp các quốc gia khác, thì vua chúa đều quỳ mọp xin tha tội, và xin thần phục trước sức mạnh của Hy Lạp. Nhà chỉ huy xứ Ấn đã dõng dạc trả lời, "Nhà ngươi chỉ là một kẻ vũ phu, tàn ác làm sao ta phục cho được. Người có thể thắng bằng quân sự, nhưng cai trị thế nào nổi dân của

ta?” Alexander nổi giận, “Ta đã cai trị toàn thế giới, có nước nào không phục tài ta, nơi nào làm phản, ta giêt trọn cả nước. Ngươi không thấy các đại cường quốc như Ai cập, Ba tư còn xin thần phục huống chi Ấn độ yếu đuối ?” Vị chỉ huy xứ Ấn bật cười, “Chinh phục bàng sức mạnh quân sự thì dễ, chứ chinh phục nhân tâm còn khó gấp trăm ngàn lần. Một kẻ vũ phu như ngươi, làm sao có thể cai trị được Ấn độ ?” Câu nói bất ngờ làm đại đế Alexander giật mình. Nên nhớ, ông là một hoàng đế văn võ toàn tài, chứ không phải là một kẻ chỉ ỷ vào sức mạnh. Từ nhỏ, ông đã được giáo dục bởi các bậc hiền triết Hy Lạp và năm 14 tuổi, ông đã đem quân chinh phạt khắp Địa trung hải, tạo các chiến công hiển hách. Ông theo học với triết gia Aristotle và lúc nào cũng

có vài chục hiền giả chung quanh để thảo luận. Câu nói của vị tướng lãnh chỉ huy xứ Ấn, làm ông suy nghĩ. Thay vì ra lệnh giết ngay viên tướng này để làm gương, ông đã không giận dữ, lại còn mang ngay đề tài chinh phục nhân tâm ra thảo luận với y. Trong suốt lịch sử Âu châu, chỉ có Alexander là hoàng đế duy nhất đã tranh luận ôn tồn cho đến khi kẻ thù kính phục mới thôi. Chi tiết cuộc thảo luận này ra sao, không thấy lịch sử ghi chép nhưng chỉ ít lâu sau, hoàng đế Alexander đã cho mời các bậc hiền triết xứ Ấn đến thảo luận với các học giả Hy Lạp vẫn tháp tùng theo đoàn viễn chinh. Chỉ một thời gian ngắn, Alexander nhận thấy các triết gia Hy Lạp không thể sánh kịp với các hiền giả Ấn độ. Nhà vua bèn đổi thái độ, lấy lễ nghĩa đối xử với các vị

này. Thay vì cai trị bằng sức mạnh như vẫn làm với các quốc gia khác, ông ghi nhận những lời khuyên của các bậc hiền triết, tôn trọng quyền lợi dân chúng xứ này.

Đoàn quân viễn chinh ngừng lại, không đi sâu vào nội địa xứ Ấn, để ông có thời gian học hỏi, đàm đạo với các bậc thánh nhân, hiền triết. Các cuộc thảo luận nhiều khi kéo dài đến cả tuần lễ, có khi cả tháng. Sau đó, ông đã ra lệnh rút binh trở về Hy Lạp, vì giấc mộng bá vương không còn nữa. Ông dự định sẽ cải tổ lại guồng máy cai trị thế giới theo gương Ấn độ. Tiếc thay, nhà vua lại chết sớm khi chưa đầy 30 tuổi. Một sử gia đã than, “Nếu Alexander sống lâu thêm ít năm nữa, thì biết đâu lịch sử Tây phương đã khác hẳn.

Trong các hiền triết nổi danh, Ramakrishna

được coi là một vị thánh của Ấn giáo. Danh tiếng ông này vang sang tận Âu châu. Phái đoàn tìm đến đức Mahayasa, môn đệ của ông này đang tu ở một ngôi đền gần đó.

Ngang qua một khoảng sân nhỏ đến một căn phòng kiến trúc kiểu xưa, cổ kính. Mọi người được mời ngồi xuống thảm. Khoảng vài phút sau, có tiếng chân người chậm rãi bước lại, đó là một ông lão khoẻ mạnh, râu dài trắng phếu, dung mạo nghiêm trang, và đôi mắt chói sáng toả ra một cái gì thánh thiện, khiến mọi người có cảm giác rung động lạ thường.

Giaó sư Evans-Wentz lên tiếng bày tỏ mục địch của phái đoàn, Mahayasa mỉm cười :

- Ơn trên đã dẫn dắt các ông đến đây, các ông sẽ có dịp tiếp xúc nhiều với những bậc hiền triết xứ

này. Ơn trên có một mục đích rõ ràng rồi các ông sẽ thấy.

- Chúng tôi nghe nói nhiều về đạo sư Ramakrishna, ông có thể cho chúng tôi biết thêm về ngài không ?

- Tôi rất thích nói về ngài. Ngài mất đã nửa thế kỷ rồi, nhưng vẫn còn lưu lại nhiều kỷ niệm linh động trong lòng tôi. Tôi gặp ngài hồi 27 tuổi, và luôn luôn ở bên ngài, cho đến những ngày cuối cùng. Nhờ ngài, tôi đã trở thành một con người mới, và quan niệm của tôi đối với cuộc đời cũng thay đổi hẳn. Ảnh hưởng của ngài thật sâu đậm, ai đến với ngài cũng được cảm hoá như vậy, kể cả những kẻ hoài nghi, chế nhạo…

- Nhưng nếu người ta không tin, làm sao người ta có thể được cảm hoá ?

Đức Mahayasa mỉm cười:
- Trước ảnh hưởng an lành toả ra từ con người thánh thiện của đức Ramakrishna dù có hoài nghi thế nào, người ta cũng thấy thanh thoát.
Giaó sư Allen rụt rè :
- Chúng tôi được biết ngài rất ít học.
- Đúng thế, ngài là con người đơn giản, biết ít, học ít, nhưng ngay cả những bậc học rộng , tài cao của Ấn độ đều ngưỡng mộ ngài. Họ cúi đầu trước hào quang tâm linh của ngài. Ngài vẫn dạy rằng tiền bạc, chức tước, địa vị chẳng qua chỉ là phù vân, hư ảo trước các giá trị tâm linh…
- Nhưng người Âu không thể hiểu tại sao những vua chúa, học giả nổi tiếng lại có thể cúi đầu trưóoc một người không học hết bậc trung học.
Đức Mahayasa mỉm cười :

- Sở dĩ họ không hiểu được, vì họ quan niệm đạo sư phải là người có bằng cấp, tốt nghiệp những đại học nổi tiếng, có tài ăn nói hấp dẫn. Quan niệm người Ấn không như vậy. Một đạo sư không nhất thiết phải tốt nghiệp trường học chuyên môn, viết những sách vở cao siêu, mà ở những điều ngài khêu gợi, thức tỉnh tâm thức được cho mình. Có gần ngài, mới hiểu thế nào là bình an. Những ngày bên ngài tốt đẹp biết bao. Ngài thường đắm mình trong những cơn thiền định sâu xa, khiến chúng tôi có cảm tưởng như tiếp xúc với một vị thánh hơn một người phàm. Tôi xin kể cho các ông về cảm tưởng của tôi. Tôi được giáo dục theo phương pháp Âu tây, tôi rất tự đắc được đọc nhiều biết rộng hơn những người chung quanh. Khi đó tôi là giáo sư dạy

Anh ngữ cho trường trung học ở Calcutta. Đức Ramakrishna tu ở đạo viện Dakshinewar cách đó không xa. Một hôm, tôi theo các bạn đến nghe ngài thuyết giảng, thực ra tôi có ý muốn biện luận với một vị, được dân chúng coi là thánh nhân, hơn là muốn nghe giảng. Nhưng một sự lạ lùng đã xảy ra, khi vừa nghe những lời nói của ngài, tôithấy trong lòng rộn rã một cảm giác lạ lùng, yên tĩnh. Ngài không nói bằng ngôn ngữ thông thường, sử dụng các danh từ bóng bẩy như tôi nghĩ, mà bằng tiếng nói của trái tim. Tôi say mê uống những lời giảng giản dị, chân thành như người khát nước lâu ngày, sau đó, tuần nào tôi cũng đến nghe giảng. Một thời gian sau, tôi được ngài thu nhận làm đệ tử, chính ngài khuyên tôi, “Xem tướng, thầy biết con sẽ

trở nên một tu sĩ (Yogi). Con hãy làm tròn công việc hàng ngày của mình với đời. Nhưng tâm hồn lúc nào cũng tưởng nhớ đến thượng đế.”

- Chúng tôi nghe nói về Ramakrishna ngay từ khi còn ở Âu châu, nhưng dư luận người Anh có lẽ không hiểu rõ về ngài, ngoại trừ việc ngài là một người không có học thức…

Mahayasa gật đầu mỉm cười :

- Theo sự hiểu biết của tôi, sở dĩ ngài không thích học vì bản tính ngài thiên hẳn về vấn đề tâm linh. Một người như thế tất nhiên không để ý đến những từ chương , bằng cấp hay quyền quí, danh lợi. Năm ngài bắt đầu vào tuổi thanh niên, một sự lạ xảy ra. Tuổi 16,17 là lúc đứa trẻ thường bị khủng hoảng hoặc thay đổi tâm tính nhất là trên phương diện tình ái. Đối với người

cao thượng, đó là lúc mở màn cho một đời sống thật sự với sự phát triển các năng khiếu tâm linh siêu việt. Sự mở màn ấy bắt đầu vói sự hoảng hốt trước cái chết. Đa số con người ít nhiều cũng đã nghĩ đến sự chết nhưng họ chỉ nghĩ một lát rồi quên ngay, ít ai chịu tìm hiểu sâu xa. Các bậc hiền triết thì khác, họ tận lực tìm hiểu thế nào là sự chết, đức Ramakrishna cũng phản ứng như vậy, ngài suy ngẫm, "cái gì là chết? Thể xác này chết nhưng còn tôi, tôi có chết không ? Nếu tôi là thể xác này, tôi chết nhưng tôi có phải là thể xác này không ? Nếu tôi không là thể xác này, tôi sẽ không chết, nhưng làm sao tìm ra điều này? Chỉ có một cách là kinh nghiệm sự chết". Sau đó, ngài quyết tâm tham thiền, suy gẫm về đề tài này. Ngài tưởng tượng thân thể ngài đã chết,

không còn thở, không còn cảm xúc. Với một ý chí mãnh liệt, ngài rút hết sinh lực ra khỏi thể xác và một ngày kia ngài thành công. Thân thể ngài cứng đơ, bất động như người chết, nhưng ngay lúc đó một quyền lực khôn tả phát ra từ đáy lòng và tràn ngập tâm tư ngài. Chuyện gì xảy ra sau đó, không thấy ngài nói đến nhưng chúng ta có thể đoán ra, xuyên qua lời dạy của ngài. Chúng ta có thể nghĩ rằng quyền lực ấy là cái mà ta gọi là Ân huệ, và khi được mặc khải đó thì ta tiến sâu vào nguồn sống để hoà hợp với đấng vô cùng. Ngài đã hợp nhất với Chân Ngã. Từ đó, ngài kinh nghiệm rằng Chân Ngã ngự sâu trong lòng nhưng ngài chưa kinh nghiệm được một chân lý khác. Chân Ngã là sự thật duy nhất, ngoài sự thật đó không có gì nữa cả. Khi tiến sâu

vào nội tâm, ngài thấy sự bình an nhưng khi ngài tỉnh dậy, ngài vẫn không thoả mãn vì điều ngài mới đạt đến chỉ là sự bình an của các vị thánh. Ngài ra tâm suy gẫm về cảm giác thiếu thốn này, thân thể ngài khi đó thường nóng hực kéo dài trong nhiều tháng. Dĩ nhiên ,những người chung quanh không hiểu, và cho rằng ngài mắc bệnh. Ngài đắm mình trong trạng thái Vô Ngã rất lâu, không màng đến những việc chung quanh. Chú của ngài không hiểu, nên thường trách mắng ngài lười biếng, không chịu học hành. Một hôm, ngài nghe nói đến ngôi đền Dakshiniwar, danh từ này có một sức hấp dẫn lạ lùng, thế là ngài quyết định đến đó. Đến nơi, ngài bước ngay đến trước tượng Shiva và nói, “Hỡi cha, cha đã gọi, nay con đến với cha.” Ngay

lúc đó các cảm giác nóng hực, thiếu thốn hoàn toàn biến mất. Ngài chứng nghiệm được một chân lý mới, cha ta và ta là một. Từ đó ngài không cần tĩnh tâm mới có cảm giác an lạc, mà lúc nào cũng ở trạng thái này. Ramakrishna bị rất nhiều thử thách. Bị trẻ con chọc phá và các tu sĩ khác dèm pha, gây hấn, nhưng lòng ngài lúc nào cũng bình thản, lặng yên, không một chút vọng động. Kinh Gita dạy rằng một khi đã đạt đến trạng thái Vô Ngã, lòng người không còn bị xao động bởi các sự kiện bên ngoài, dù khắc khe, đau khổ đến đâu. Một sự an lạc tràn ngập thân ngài lôi cuốn những người chung quanh khiến họ khâm phục, kính mến và số người này mỗi ngày một đông. Một điều cần lưu ý là ngài không học hay đọc những sách vở gì về trạng thái Vô

Ngã mà ngài đạt được lúc thanh xuân. Cũng không ai chỉ dẫn ngài về trạng thái siêu việt này. Nhưng mỗi khi tín đồ nhờ ngài giảng giải một đoạn kinh sách gì, ngài mới đọc và thông hiểu nó một cách dễ dàng. Các sách vở đó rất ư khó hiểu, nhưng ngài chỉ đọc lướt qua đã quán triệt được ngay, vì ngài đã chứng nghiệm được những điều nói trong sách đó. Ngài dạy đạo bằng sự lặng thinh hơn là lời nói, nhiều người đến với ngài để chất vấn, nhưng khi vừa gặp ngài thì mọi thắc mắc tự nhiên tiêu tan như đã được phúc đáp. Nếu một câu hỏi đặt ra, ngài thường trả lời một cách dịu dàng, vắn tắt, dễ hiểu. Ngài không viết sách như những đạo sư khác, mà chỉ dạy đạo qua cử chỉ yên lặng hay vài câu nói giản dị. Môn đệ của ngài đến từ khắp xứ và tuỳ theo căn cơ

lãnh hội ít hay nhiều. Ý kiến của họ vê ngài tuy khác nhau, nhưng ai cũng nhìn nhận ngài là một đạo sư vào bậc nhất, và hết sức kính mến ngài. Vì đã đạt trạng thái Vô Ngã, Ramakrishna không phân biệt giữa ngài và những người khác, giữa người giàu, kẻ nghèo, hay nam nữ, đối với ngài, tất cả đều bình đẳng tuyệt đối kể cả những loài cầm thú.

- Vì Ramakrishna không hề để lại sách vở, giáo lý, nên người Âu không hiểu tại sao ngài lại nổi tiếng như vậy? Ông có thể cho chúng tôi biết một chút về giáo lý của ngài không ?

Mahayasa mỉm cười :

- Sau khi ngài qua đời, nhiều đệ tử đã xuất gia để truyền bá giáo lý, riêng tôi vẫn còn là cư sĩ, hàng ngày tôi vẫn đi làm nhưng sống giữa cõi đời, mà

tôi không còn tuỳ thuộc vào đời. Tôi còn nhớ rõ một lần ngài đã dạy như sau, “chúng ta xông pha trong cuộc đời với ý niệm cho rằng ta có thể tìm hạnh phúc trong cõi đời. Cho đến lúc gần đất, xa trời, nhiều người cũng không buồn hỏi rằng ý niệm đó có đúng không ? Thật sự là chúng ta chả bao giờ chịu ngừng lại để suy nghĩ, lúc nào chúng ta cũng nghĩ rằng mình gần đạt được những điều mình mong mỏi. Chúng ta chỉ chịu dừng chân khi nào bị cuộc đời hắt hủi, giày vò. Ramakrishna cho rằng đó là việc dĩ nhiên, và giải thích bằng giấc mộng . Trong giấc mộng, nếu ta chỉ gặp những điều thích thú, chúng ta vẫn mơ mộng mãi và chỉ giật mình tỉnh giấc khi gặp những chuyện đau buồn. Một cuộc đời êm đẹp không tiện cho sự suy tư về các vấn đề quan

trọng, nhưng nếu là mộng thì chắc chắn cũng phải có lúc tỉnh. Trong nhiều năm ròng rã, chúng ta cố tìm hạnh phúc, và nhiều lần tưởng đã đạt được nó để hưởng một cách lâu bền. Nhưng lần nào ta cũng thất vọng. Sau đó, ta lại tiếp tục chạy theo ảo ảnh đó như trước. Nếu biết dừng chân suy nghĩ, ta sẽ thấy chúng ta đuổi theo hạnh phúc nhưng không hề biết đến bản chất thật sự của nó , và không biết phải dùng phương tiện nào để đạt nó. Hãy thử tìm hiểu thế nào là hạnh phúc. Ai cũng biết đặc tính của hạnh phúc là “thường hằng”, nghĩa là nó ở mãi với ta; suốt đời ta lúc nào cũng vui sướng, tươi tắn. Nhưng tất cả những gì cuộc đời mang lại cho ta đều là vô thường, chỉ có những khoái cảm nhất thời, chứ có gì lâu bền đâu. Vì khoái cảm nhiều và đến với

ta như dòng nước chảy, chúng ta tưởng nó là hạnh phúc và kết luận rằng bao giờ dòng khoái cảm đó còn tiếp tục đến với ta, chúng ta được hưởng hạnh phúc. Suy gẫm kỹ thì khoái cảm chẳng qua chỉ là phản ứng của lòng ta trước sự vật bên ngoài, nó lôi cuốn chúng ta. Các sự vật này khi thì tạo vui, lúc thì gây khổ. Hơn nữa cùng một sự vật mà có thể tạo vui hay gây khổ tuỳ lúc, bởi thế ta phải nhận thức rằng "Hạnh phúc" không có ở sự vật bên ngoài. Nếu nó là sự vật bên ngoài, chúng ta phải càng có hạnh phúc khi càng có nhiều sự vật mới đúng chứ. Thật sự, người giàu có, lắm sự vật, chưa chắc đã hạnh phúc hơn kẻ nghèo. Nói cách khác, kẻ nghèo ít của cải, chưa chắc thiếu hạnh phúc hơn người giàu. Tóm lại, chúng ta thấy rõ ràng mình theo

đuổi hạnh phúc nhưng không biết thế nào là hạnh phúc và cũng chả biết phải dùng cách nào để đạt hạnh phúc ?!! Những người tìm hiểu một cách chân thành sớm muộn gì cũng thấy rằng hạnh phúc nằm ở ngay nội tâm ta. Các khoái cảm không có tính cách tư hữu, mà chỉ là một tia nhỏ của hạnh phúc chân thật thuộc bản tính tự nhiên của con người ,bị che lấp bởi vô minh. Một con chó gậm xương bị trầy miệng, chảy máu nó lại tưởng rằng máu phát xuất từ khúc xương. Chúng ta cũng thế cứ tưởng sẽ được hạnh phúc khi chạy theo những vật ngoại giới. Có lẽ các ông khó chấp nhận quan niệm này, nhưng ít ra cũng tin rằng những nỗi vui hay buồn tuỳ ở chúng ta nhiều hơn là sự vật bên ngoài. Dù sao, sự chấp nhận này cũng chưa đủ đem lại cho ta hạnh

phúc, vì có hai nỗi đe doạ : sự ham muốn và sợ hãi. Chúng ta càng ham muốn thì càng sợ hãi, và càng sợ hãi lại càng đau khổ. Thay vì diệt trừ những đe doạ này, chúng ta lại quỳ luỵ chúng . Khi ham muốn lên tiếng, “hãy đạt được vật đó đi, rồi sẽ sung sướng”, thì chúng ta tin tưởng và tìm mọi cách đạt kỳ được vật đó. Nếu chúng ta không đạt được, thì chúng ta đau khổ, mà nếu đạt được thì ham muốn lại thúc dục ta tìm đến một vật khác nữa. Thế mà chúng ta vẫn không thấy mình bị lừa gạt chút nào mới lạ, quả là ham muốn như lửa đỏ, càng cháy dữ khi càng đổ thêm dầu. Bao giờ chúng ta là nô lệ của dục vọng, chúng ta không sao đạt được hạnh phúc. Nếu đạt được lại sợ mất đi, càng có nhiều càng lo sợ nhiều, có đúng thế không ? Tóm lại, muốn

có hạnh phúc thật sự, phải vượt lên khỏi sợ hãi và ham muốn.

Đức Mahayasa im lặng như đắm chìm vào một quá khứ rồi tiếp tục :

- Đến đây chúng ta cần được một vị thầy hướng dẫn thêm. Người này phải hiểu rõ hạnh phúc ở đâu, phải theo đường lối nào. Người này phải thắng được các đe doạ như sợ hãi, ham muốn, và thật sự đã đạt được niềm hạnh phúc vô biên; như vậy mới có đủ kinh nghiệm dìu dắt chúng ta. Như con bệnh phải đi tìm danh y thì kẻ cầu đạo cần một vị thầy. Ramakrishna chính là vị thầy mà tôi gặp. Kinh sách xưa xác nhận sự minh triết có thể giúp con người thoát khỏi khổ đau, nhưng ta không thể tìm nó bằng lý luận hay trong sách vở. Trong quá khứ, đã có những bậc

đạo sư như đức Phật, đấng Christ đã tìm được hạnh phúc và hướng dẫn những kẻ khác. Sau khi các ngài tịch diệt, môn đệ có trình bày giáo lý của các ngài trong kinh sách, nhưng dù sao đi nữa, kinh sách cũng có những khiếm khuyết, ngôn ngữ làm sao diễn tả hết được, làm sao bằng lời những vị đạo sư hãy còn sống bên cạnh chúng ta. Ramakrishna đã dạy rằng, nguyên nhân các đau khổ đều ở trong ta chứ không phải ở bên ngoài. Có người hỏi thế giới chúng ta đang sống có điều gì xấu xa không? Thì ngài đã trả lời rằng nó rất tốt đẹp, có xấu xa chăng là lòng người, vì con người đã hiểu sainó. Công việc của chúng ta hiện nay là phải đi ngược dòng tìm cho ra sự sai lầm nguyên thuỷ để diệt trừ nó, thì mọi việc sẽ tốt đẹp… Phát giác và trừ tuyệt cái sai

lầm căn bản là phương thuốc chánh, tất cả phương tiện khác đều chỉ là tạm bợ. Nhiều lắm là chúng giúp ta tìm ra phương thuốc nói trên. Đó là giá trị của các tôn giáo, các nghi lễ, tiếc thay tôn giáo hay gây sự chia rẽ, đôi khi còn làm cho tâm trí suy kém, cản trở bước tiến của tín đồ. Có người đã hỏi tại sao con người luôn luôn đau khổ, sợ hãi, thì ngài trả lời rằng, sự kiện đó là do lầm lạc phát sinh, từ sự thiếu hiểu biết chính mình. Có nhiều người, họ biết mình rất rõ ràng, hoặc lại cho rằng điều này không cần thiết, vì trong đời sống hàng ngày đầy rẫy những phức tạp, điểu ta cần khai thác là làm gì cho có lợi, kiếm được thật nhiều tiền. Để khai thác, con người gán cho kiến thức một giá trị quá mức, như bắt mọi người phải đến truòong. Từ xưa

đến nay nhân loại thu thập biết bao kiến thức nào là sử ký, địa dư, thiên văn, vật lý, triết học và siêu hình học nữa… Nếu những kiến thức này là sự hiểu biết đứng đắn thì nó phải đem lại hạnh phúc cho nhân loại chứ. Sự thật lại khác hẳn, chúng ta học cách chế ngự quyền lực thiên nhiên, đi ngược luật tạo hoá, khiến cho xã hội càng ngày càng đau khổ, bất mãn thêm. Sự chế ngự này, con đẻ của khoa học chỉ đem lại lợi ích cho một thiểu số thôi. Do đó, lắm kẻ giàu sang sung sướng nhưng vẫn không sao hạnh phúc được trước khổ đau của đa số. Tóm lại, khoa học đã tạo cho con người nhiều khó khăn hơn là giải quyết các điều kiện căn bản của cuộc sống.

Đức Mahayasa nhìn mọi người trong phái đoàn, rồi tiếp tục :

- Đã có một giáo sư đại học hỏi Ramakrishna về bức tường vô minh mà khoa học không sao vượt qua được. Họ biết các vật vi tế như nguyên tử, điện tử nhưng đó cũng chỉ qua sự ức đoán mà thôi, không phải biết một cách trực tiếp. Họ cũng biết các vật vĩ đại như các dãy thiên hà nhưng cũng chỉ ngưng ở đây thôi. Ngài đã trả lời rằng, ngoại cảnh chỉ đưa con người tới chỗ vô minh mà thôi. Theo ngài, nếu nhân loại cố tìm tòi những gì káhc hơn là bản chất con người thì những kiến thức ấy không phải sự hiểu biết thật sự. Lời nói này có vẻ làm giảm giá trị của khoa học, nhưng nếu suy nghĩ kỹ ta thấy ngài rất có lý. Sự hiểu biết về khoa học hiện nay còn nhiều điểm đáng nghi. Các khoa học gia vẫn còn bất đồng ý kiến về một chuyện gì, thì quần chúng đã

lên tiếng ủng hộ, do đó những người bất đồng ý kiến cũng phải im, dù có thể họ rất có lý và số đông đã sai. Trong phạm vi khoa học, cũng như triết học và tôn giáo, ý kiến thuờong sai biệt ít nhiều, tuỳ tâm trí nhà bác học. Sự tìm hiểu chân lý bắt buộc một học giả phải có những đức tính cao quý vì tâm trí học giả có một ảnh hưởng to lớn trong sự tìm hiểu và sự hiểu biết chỉ cóthể xem như một chánh keí6n, khi người tìm kiếm có đủ tư cách. Vì thế khoa học đã vấp nhiều lỗi lầm khó sửa. Sự thất bại của khoa học phát sinh từ một lầm lỗi nguyên thuỷ là các bác học tưởng mình đã biết, không cần sự tự biết mình. Trong cả hai trường hợp, họ bắt đầu cuộc đi tìm với những thành kiến sai lầm về bản chất của họ. Do đó, những điều họ tìm ra dù có giá trị vẫn bắt

đầu từ những sai lầm căn bản, hậu quả là khoa học ngày nay đã đưa nhân loại đến những hố thẳm, thay vì chân trời sáng lạng. Một hôm có tín đồ đến hỏi Ramakrishna về các thần tượng mà họ không thích. Họ muốn ngài chấp nhận ý kiến của họ là không nên thờ thượng đế dưới hình thức thần tượng.

Một người hỏi ngài :

- Thượng đế có sắc tướng không?.

Ngài đáp:

- "Ai nói rằng thượng đế có sắc tướng.

- "Nếu thượng đế không có sắc tướng thì tại sao lại thờ ngài trong các hình tượng làm gì ?

- Chúng ta hãy để thượng đế sang một bên, và xin anh cho tôi biết anh có sắc tướng không ?

- Dĩ nhiên là có chứ, hãy nhìn thân thể này…

- Nhưng anh có phải cái xác thân đen xám, râu tóc xồm xoàm này không?

- Dĩ nhiên tôi là xác thân này chứ còn gì nữa.

- Trong lúc ngủ say, không mơ mộng, anh có phải là nó không?

- Có chứ, vì khi thức dậy tôi thấy tôi đâu thay đổi gì.

- Và rồi khi anh chết.

- Thì tôi cũng còn là nó.

- Vậy thì tại sao khi người ta hoả thiêu nó, nó không nói nó không chịu đi, và muốn ở lại nhà ?

Khi người này ý thức rằng mình đã sai và đáp rằng :

- Tôi không phải là thể xác này, mà là sự sống trong nó.

- Anh hãy suy gẫm kỹ về điều này. Hồi nãy anh

nói rằng anh là thể xác này. Bây giờ anh lại nói rằng không phải. Cho mình là xác thân này là một lỗi lầm nguyên thuỷ. Bao giờ sự sai lầm này còn, dù anh nói thượng đế có sắc tướng hay không cũng không ăn thua gì . Khi sự sai lầm này được đánh tan thì mọi việc sẽ sáng tỏ.

Tóm lại, theo Ramakrishna thì nguyên nhân của sợ hãi, dục vọng, ham muốn là do sai lầm đầu tiên, tự cho mình là xác thân này, vì sợ hãi hay ham muốn đều bắt đầu từ thể xác này. Dĩ nhiên, rất nhiều người cũng đồng ý như thế , và tin rằng con người không phải là thể xác mà là một sự sống trường cửu. Sách vở cũng nói như thế rất nhiều. Nhưng trong đời sống thực tế, họ có làm gì khác đâu. Lúc đầu họ nghĩ rằng nhờ kiến thức thu thập, hiểu biết các chân lý cao siêu họ

sẽ khác người thường. Nhưng tại sao họ vẫn hành động y như họ là thể xác này vậy? Nếu xác thân họ nhỏ bé, họ cho rằng mình bé nhỏ. Nếu xác thân họ to lớn, đẹp đẽ, họ cho rằng mình lớn đẹp. Nếu xác thân họ ốm đau, họ cho rang mình bệnh hoạn. Nếu tư tưởng họ phong phú, họ cho rằng mình thông minh….Tóm lại, sự sợ hãi và dục vọng vẫn y như xưa, có thể lại còn gia tăng hơn vì họ hãnh diện về sự hiểu biết của mình hơn xưa. Nói một cách khác, sở dĩ họ làm thế, vì chưa chứng nghiệm được con người thật của mình, sự sai lầm nguyên thuỷ vẫn còn tác động mạnh mẽ nơi họ. Kiến thức của họ chưa tạo được một sự biến chuyển thật sự….

Ramakrishna đã dạy rằng, kiến thức về tâm linh thu thập qua sách vở thường tai hại hơn là một

người thất học, dốt nát. Những người kiến văn quảng bác, lịch thiệp, bằng cấp, danh vọng thường ích kỷ, lại còn ngạo mạn, họ cho rằng mình biết nhiều, hiểu nhiều, và không chịu tìm hiểu, thực hành đào sâu vào thêm nữa. Đó là sự hiểu biết hời hợt qua sách vở, chứ đâu phải là một chứng nghiệm nội tâm. Sách vở chỉ là la-bàn hướng dẫn, chứ đâu phải minh triết thật sự. Sự thu thập kiến thức kiểu này, tạo nên tình trạng hỗn độn trong triết lý và thần học. Các triết gia và nhà thần học đã thảo luận không ngừng về những vấn đề khó khăn, như nguyên nhân đầu tiên, sự thật cuối cùng, bản chất thời gian, định mệnh con người, tự do, giải thoát, v..v… và chả đạt đến một kết quả nào. Các bậc hiền triết đứng bên ngoài cuộc thảo luận đó, vì họ có lối giải

quyết riêng , trái với các giải pháp trí thức. Thay vì thảo luận, họ cố khám phá lấy sự thật, và khi tìm ra sự thật, các vấn đề trên sẽ đương nhiên được giải quyết.

Nói đến đây, đức Mahayasa lặng yên chìm đắm trong một không khí êm đềm nào đó.

Giaó sư Evans-Wentz cố gắng :

- Nhưng con người không thể sốgn bằng đức tin, mà còn phải thoả mãn lý trí nữa, đối với những người thiên về lý trí, không biết ngài nghĩ sao ?

Mahayasa mỉm cười :

- Nếu thầy tôi Ramakrishna còn sống có lẽ ngài sẽ khuyên ông nên cầu nguyện.

- Tại sao như vậy ?

- Cầu nguyện là phương tiện cuối cùng của con người. Khi nào lý luận tỏ ra bất lực thì sự cầu

nguyện sẽ bổ sung , phù trì, cứu độ…

- Nhưng nếu tôi không thể cầu nguyện thì phải làm sao ?

Đức Mahayasa nhìn giáo sư Wentz, ánh mắt ngài long lanh một niềm ưu ái :

- Ông nên tiếp xúc với các bậc chân tu, các vị này sẽ hướng dẫn tâm hồn ông lên cõi thiêng liêng, và thức động các khả năng thiêng liêng nhất của ông. Có lẻ ông cần một vị thầy.

hết: Chương V, xem tiếp: Chương VI

Chương VI

Những sự kiện huyền bí

Bác sĩ Kavir cho biết nếu phái đoàn muốn nghiên cứu những sự kiện huyền bí, những phép

thuật lạ lùng thì phải đến gặp pháp sư Vishudha. Vị pháp sư này có lệ không bao giờ tiếp khách, ngay cả những tín đồ thuần hành sùng kính nhất. Ông sống trong một căn nhà nhỏ với một vài đệ tử thân tín và rất ít khi nào ra ngoài. Các đệ tử cho biết thầy họ không bao giờ biểu diễn phép thuật dù ở nơi kín đáo, và không chịu cho phái đoàn vào. Bác sĩ Kavir mang hết tài dẫn dụ ngoại giao cũng như quyền lực hăm doạ nhưng họ vẫn khăng khăng. Sự hiện diện của một nhóm người Âu, gây nhiều chú ý của dân chúng và tín đồ hành hương, nên chỉ một lúc, một đám đông đã vây kín phái đoàn. Có lẽ tiếng động ồn ào này tạo sự chú ý của vị pháp sư nên ông ra lệnh cho đệ tử mời bác sĩ Kavir vào nói chuyện.

Một lát sau, Kavir bước ra nét mặt hân hoan :

- Đạo sư Vishudha không tiếp khách lạ, nhưng ngài đặc biệt tiếp phái đoàn như một ngoại lệ đấy.

Đó là một ông lão to lớn, tóc bạc trắng như cước ngồi trên tấm bồ đoàn kết bằng cỏ, nét mặt ông lạnh như băng , và đôi mắt như nhìn vào khoảng không, như không thèm chú ý gì đến phái đoàn.

Một đệ tử lên tiếng :

- Các ông đến đây với mục đích gì ?

Giáo sư Allen lên tiếng :

- Chúng tôi được biết đạo sư có các quyền năng phi thường. Mục đích chuyến đi này của chúng tôi, là nghiên cứu những sự kiện huyền bí, ghi nhận một cách khoa học những điều tai nghe, mắt thấy…

- Nếu đạo sư vui lòng…

Vishudha nghe thông ngôn xong, mỉm cười yêu cầu giáo sư Oliver cho mượn một cái khăn tay và một cái kính lúp. Ông ta dơ chiếc kính lên ánh sáng mặt trời cho nó chiếu lên chiếc khăn tay và tuyên bố:

- Tôi sẽ thu hút các mùi hương trong không khí, các ông thích mùi gì?

- Tôi thích mùa hoa lài.

Visudha mỉm cười trao trả chiếc khăn cho giáo sư Oliver. Một mùi hương phảng phất khắp phòng và ai cũng biết đó là mùi hoa lài. Mọi người quan sát kỹ chiếc khăn, nó không hề ướt hay có dấu hiệu gì rằng người ta đã nhỏ vào đó một chút dầu thơm. Như đoán được ý nghĩ mọi người, Vishudha yêu cầu giáo sư Mortimer đưa ra một chiếc khăn tay khác. Giáo sư Kavir thông

dịch :
- Bây giờ các ông hãy chọn một mùi hoa gì đặc biệt của xứ các ông mà không hề có tại xứ Ấn độ.
- Được lắm, tôi muốn mùi hoa uất kim hương (tulip).
Visudha mỉm cười dơ chiếc kính lúp lên ánh sáng mặt trời cho nó chiếu vào chiếc khăn và lần này mùi hoa uất kim hương lại thơm nồng khắp phòng. Phái đoàn vội vã yêu cầu những mùi hương lạ lùng và lần nào ông cũng làm họ hài lòng. Thậm chí đến cả những mùi thuốc hoá học, những mùi a-xít trong phòng thí nghiệm, ông cũng có thể làm được. Mọi người quan sát kỹ xem ông ta có dấu gì dưới lớp áo choàng không. Vishudha mỉm cười vén cao tay áo để chứng tó ông không hề làm trò ảo thuật hay cất dấu

hương liệu gì đặc biệt trong người .
Giáo sư Mortimer buột miệng :
- Xin ông giải thích việc này ?
Mọi người giật mình vì phong tục xứ Ấn, chất vấn một đạo sư là điều bất kính. Vishudha quay sang giáo sư Kavir nói vài lời, ông này thông dịch :
- Đó chỉ là môn khoa học gọi là Thái dương học. Ánh sáng mặt trời chứa đựng một năng lực rất mạnh, nếu biết chọn lựa và cô lập nó ta có thể tạo mọi vật theo ý muốn.
Giáo sư Mortimer giật mình :
- Thái dương học, phải chăng nó là môn khoa học của dân Atlantic ?
- Đó là môn khoa học đã một thời thịnh hành tại châu Atlantic, nhưng không phả riêng của giống

dân này.
- Như thế châu Atlantic là có thật…châu này đã chìm xuống biển từ lâu và chỉ có Plato ghi nhận lại trong tập sách của ông…Chuyện này ra sao ?
Vishudha trầm ngâm :
- Tin hay không là tuỳ các ông. Người Âu lúc nào cũng đòi hỏi bằng chứng này nọ, nếu các ông muốn gọi nó là truyền thuyết cũng chẳng sao…. Khoa học nơi đâu cũng có nguồn gốc, khi tiến đến một trình độ cao xa thì thời gian hay không gian, đâu có nghĩa lý gì nữa. Khoa Thái dương học thật ra xuất xứ từ Tây Tạng ở một thời đại xa xôi, khi Ấn độ còn là một hòn đảo và rặng Hy Mã Lạp Sơn còn là một bờ biển…nhưng điều này đâu có ích gì cho việc nghiên cứu của các ông ?
- Ông có thể làm gì với môn này ?

- Các ông còn muốn gì ? Như vậy chưa thoả mãn sao ?

Vishudha đứng dậy bước đến bên một chậu hoa gần đó. Mặc dầu chậu nở đầy hoa, nhưng trong đó cũng có một số hoa đã tàn. Vishudha dơ chiếc kính lúp chiếu lên các hoa này. Trước cặp mắt kinh ngạc của mọi người, những hoa khô héo bỗng trở nên tươi tốt, thơm tho. Mọi người nín thở, không ai nói nên lời. Vishudha dơ chiếc kính lên chiếu vào lòng bàn tay ông. Một chùm nho tươi tốt bỗng xuất hiện. Nên biết Ấn độ là xứ nhiệt đới, không trồng được nho, hơn nữa lúc đó đang vào mùa đông, các cây nho bên Âu châu đều khô héo. Có được chùm nho tươi tốt là một việc vô lý, lạ lùng. Vishudha đưa chùm nho cho giáo sư Allen xem và thản nhiên tuyên bố :

- Đây là giống nho Pajouti chỉ mọc ở miền nam nước Ý, không hề được xuất cảng. Mùi của nó thơm nhưng vị hơi chát.
Mọi người xúm lại xem chùm nho. Có người ngắt vài quả bỏ vào miệng ăn như sợ rằng đó chỉ là một ảo tưởng. Chờ mọi người ăn xong, Vishudha trịnh trọng :
- Đây đâu phải lần đầu các ông thấy một sự lạ xuất hiện. Các ông đã nghe nói về chuyện này rồi đấy chứ. Các ông không nhớ chuyện đấng Christ hỏi thánh Phillip ở thành Galileo, "chúng ta sẽ mua bánh mì ở đâu?" Ngài biết rõ rằng bánh mì mà đám quần chúng đang cần dùng không phải mua ngoài chợ. Ngài mượn dịp đó để chỉ cho các tín đồ rằng người ta có thể tạo ra bánh mì bằng sức mạnh của tinh thần. Thông thường mọi

người chỉ nghĩ rằng ta có bao nhiêu bánh mì hay bao nhiêu tiền bạc và chỉ giới hạn trong một khuôn khổ nào đó thôi. Điều đức Jesus muốn nói là khi ta đã sống với tâm thức của Chân Ngã, thì người ta không còn thiếu sót hay gò bó vào một giới hạn nào nữa. Ngài nhìn về thượng đế là nguồn gốc sáng tạo ra muôn loài, và tạ ơn thượng đế đã luôn đặt vào tay loài người cái quyền năng và chất liệu cần thiết để thoả mãn tất cả nhu cầu của họ. Đức Jesus đã bẻ bánh mì và bảo tông đồ hãy phân phát cho mọi người .Khi tất cả ăn no rồi mà vẫn còn dư đến 10 rổ bánh. Cũng bằng cách đó mà Elisê đã làm cho người quả phụ thành Jerusalem có dầu ăn thừa thãi không bao giờ hết. Ngài không hỏi đến kẻ có dư thừa dầu trong nhà, vì như thế số dầu chỉ

giới hạn mà thôi. Những câu chuyện trong Kinh thánh đã dạy ta điều gì ? Phải chăng các môn khoa học đời nay không thể giải thích vấn đề này? Phải chăng có kẻ cho đó chỉ là một chuyện thần thoại? Có lẽ các ông cho rằng những chuyện này được ghi chép từ lâu rồi nên có phần nào sai lạc đi ?

Mọi người trong phái đoàn giật mình vì câu hỏi bất ngờ. Kinh thánh đối với họ không phải quyển sách nào xa lạ. Phần lớn đều thuộc lòng nhưng ít ai suy nghĩ căn kẽ về những sự kiện xảy ra trong đó. Vishudha mỉm cười nhìn từng người rồi tiếp tục :

- Đức Jesus đã dạy rằng trong thiên nhiên có chất liệu để làm đủ mọi vật, và người ta có thể tìm lương thực của mình trong đó. Chúng ta chỉ

cần rút các chất liệu này để tạo ra mọi thứ cần dùng. Nhưng con người hèn nhát và thiếu đức tin đã không nghĩ rằng họ có thể thực hiện được những việc này. Nhu cầu phải chăng cũng là ý muốn sáng tạo ? Thay vì vươn lên để thực hiện ý muốn, để sáng tạo thì con người lại thu hẹp mình lại. Nghĩ rằng mình không thể làm được những việc đó. Vì thế con người càng ngày càng rời xa thượng đế. Đến nay con người tin rằng họ là một thực thể cách biệt với thượng đế. Họ đã đi lệch hẳn con đường toàn vẹn, bỏ lỡ cái mục đích cao đẹp. Họ đã không để thượng đế biểu lộ xuyên qua họ như ngài muốn. Chính đức Jesus đã nói rằng, "những gì mà ta làm được thì các ngươi cũng sẽ làm được, và các ngươi sẽ còn làm được những việc lớn lao hơn nữa." Ngài

muốn nói điều gì đây ? Phải chăng con người trong cương vị chân thật, chính là con của thượng đế? Sứ mạng đức Jesus trên thế gian chính là chứng tỏ rằng trong cương vị nào đó, con người cũng có thể sáng tạo một cách hoàn toàn tốt đẹp như thượng đế. Khi ngài ra lệnh cho người mù hãy ra ao Siloe rửa mắt, phải chăng ngài đã chứng tỏ cho quần chúng biết rằng ngài được thượng đế gửi xuống để sáng tạo cũng như thượng đế vậy ?

Vishudha ngừng nói, đưa tay ra, một ổ bánh mì to lớn bỗng xuất hiện trên tay y từ hồi nào. Tất cả mọi người im lặng, nín thở không ai thốt nên lời. Sự kiện một đạo sư Ấn không nói gì về truyền thống, tôn giáo xứ này, mà lại nói về Kinh thánh như một vị mục sư làm mọi người kinh

ngạc. Bỗng nhiên ổ bánh mì biến mất như bị thiêu huỷ. Vishudha mỉm cười thong thả :

- Các ông đã thấy, tôi đã lạm dụng các định luật huyền bí giúp tôi thực hiện ý muốn. Tôi vừa đốt cháy đồ vật mà tôi tạo nên. Làm như thế tôi đã lạm dụng một điều luật bất di bất dịch của thiên nhiên. Nếu tôi tiếp tục làm thế thì không những món đồ bị đốt cháy, mà chính kẻ sáng tạo là tôi cũng chịu chung số phận. Các ông đã ngửi mùi hương và việc tôi làm chậu hoa hồi sinh, cũng như chùm nho xuất hiện…. Tôi có thể sử dụng quyền năng này khi làm một việc có ích cho nhân loại , hoặc với một lòng bác ái thanh cao vì đó là hợp với luật vũ trụ, hợp với thiên ý. Trái lại, chỉ với một ý định xấu xa như khoe trương bản ngã, tôi sẽ đi lệch đường và chịu trách

nhiệm về việc làm của mình nghĩa là sẽ gặp ngay sự phản tác dụng về hành động của mình. Tôi đốt cháy một vật thì tôi cũng có thể cháy thành than tức khắc. Nếu con người phụng sự thượng đế, hành động đúng theo thiên ý, hợp luật trời thì y đã bước chân vào cõi trời rộng mở còn ngược lại thì y đang bước vào cánh cửa của địa ngục rồi đó…

Vishudha nhìn thẳng vào mặt mọi người :

- Này các ông, những nhà thông thái, thế đã thoả mãn các mong ước, hiếu kỳ của các ông chưa? Nếu các ông còn mê man trong các cuộc khảo cứu, ghi nhận các hiện tượng lạ lùng mà khoa học chưa giải thích được thì khắp thành phố này, có hàng trăm đạo sĩ, pháp sư có thể làm những chuyện đó. Điều đáng tiếc rằng rất ít

người hiểu biết về cái hậu quả họ sẽ phải gánh chịu. Các ông muốn ghi nhận những phép thuật thần thông để làm gì ? Phải chăng các ông sẽ công bố cho mọi người Âu Mỹ biết hay sao? Như thế có ích lợi gì ? Liệu đã có mấy ai tin tưởng rằng những điều các ông nói không phải là một sự tưởng tượng ? Có thể họ sẽ lên án các ông là đằng khác. Có bao giờ các ông nghĩ rằng mình đang làm một chuyện vô ích hay không ? Có lẽ các ông sẽ làm những phúc trình về các hiện tượng lạ lùng nhưng rồi sẽ đi đến đâu? Cuộc đời đâu phải chỉ quan sát ghi nhận rồi làm những thống kê, có phải không ? Này các nhà thông thái, các ông đã khám phá thế nào là mục đích cuộc đời chưa ? Nếu các ông chưa tự hỏi mục đích cuộc đời mình để làm gì thì ghi nhận,

nghiên cứu có ích lợi gì đâu ? Khi chưa tìm được giải đáp cho chính mình thì các phúc trình, thống kể cũng vô ích thôi, có phải như thế không ?

Một sự im lặng bao trùm căn phòng. Vishudha thong thả ngồi trên tấm bồ đoàn, không nói thêm điều gì nữa. Bác sĩ Kavir ra hiệu cho phái đoàn rút lui.

*

Rời khỏi căn nhà đá, toàn thể mọi người đều xúc động, không ai nói lên một lời nào. Những sự kiện xảy ra đã làm đảo lộn mọi quan niệm thông thường về vật lý, hoá học… Đúng như nhà đạo sĩ đã nói, làm sao chứng minh một phép lạ đây ? Làm sao có thể cho những người Âu đang bận rộn với mưu sinh tại New York hay London biết

rằng ở phương Đông có những bí mật vô tận, những triết lý cao cả mà người Tây phương không thể hiểu. Tư tưởng Đông phương đã vượt xa, rất xa những tư tưởng tiến bộ nhất của Tây phương . Có lẽ các nhà hiền triết xứ này đã mỉm cười trước những ngông cuồng, hỗn tạp của cái gọi là khoa học tiến bộ. Câu hỏi của Vishudha khiến mọi người suy nghĩ rất nhiều. Lúc đầu, ai cũng mong ghi nhận những điều lạ lùng để nghiên cứu nhưng trước những sự kiện mà khoa học không thể giải thích, toàn thể mọi người đâm ra bối rối không biết phải làm gì.

Giáo sư Spalding nhớ lại câu nói của người Ấn thành Benares, "nếu các ông chỉ muốn nghiên cứu các hiện tượng thần thông, các quyền năng lạ lùng thì hãy đến Rishikesh, các ông sẽ không

thất vọng. Nhưng nếu các ông muốn đi xa hơn để có thể gặp các bậc chân sư thì các ông cần một thời gian nữa". Sự gặp gỡ các vị chân sư thánh triết có một sức hấp dẫn lạ lùng đối với phái đoàn, nhưng tại sao phải chờ đợi thêm một thời gian nữa ? Hình như có một nguyên nhân sâu xa nào đó mà phái đoàn không thể giải thích, mọi người linh cảm như đã có những sự xếp đặt huyền bí cho việc du khảo tại phương Đông này. Harishchandra là một đạo sĩ dòng tu Swami, thường đi khắp nơi, ít khi nào ở một chỗ. Lần này ông ghé thăm bác sĩ Kavir ít hôm, nên phái đoàn có cơ hội gặp gỡ. Ông trạc 60, thân hình cao lớn, có đôi mắt sáng ngời. Sau vài câu xã giao ông cho phái đoàn biết tuổi thật của ông đã quá 100, và tin rằng ông sẽ còn sống ít ra vài

chục năm nữa.
- Tại sao ông nghĩ mình sẽ sống lâu như thế ?
- Tại vì lúc này khả năng sáng tạo của tôi rất mạnh. Tôi tin rằng với bộ óc còn linh hoạt như một thanh niên, tôi có thể sống khá lâu nữa.
Bác sĩ Kavir mỉm cười tiếp lời :
- Harishchandra không những là một đạo sư Yoga mà còn là một nghệ sĩ. Ông ta có thể sử dụng tất cả nhạc khí cổ điển cũng như tân tiến, ông còn vẽ tranh, nặn tượng, làm thơ… Tóm lại, chả có bộ môn nghệ thuật nào mà ông ta không biết .
Bác sĩ Mortimer tò mò :
- Ông theo học ở đâu và làm sao có thể biết nhiều thứ như vậy ?
Hashichandra cười lớn :

- Bác sĩ Kavir nói không đúng đâu. Tôi chỉ biết chút đỉnh về vài bộ môn nghệ thuật. Tôi không hề được đi học nhưng Yoga đã giúp tôi…

Bác sĩ Mortimer hấp tấp :

- Ông muốn nói đến phương pháp khí công hay các tư thế ?

Đạo sĩ bật cười lớn :

- Không phải thế, tôi ý thức được sự sáng tạo trong một buổi thiền định, và từ đó tôi có thể làm được nhiều thứ. Đa số con người đều coi nghệ thuật như một phương tiện giải trí, họ sử dụng nghệ thuật như một cái gì giúp họ trốn thoát hoàn cảnh con người của họ. Nghe một bài ca, một câu hát họ quên đi các ưu phiền hiện tại… Đó không phải là sự thưởong thức cái Chân, Thiện, Mỹ của nghệ thuật. Nghệ thuật mà tách

khỏi cuộc sống thì chỉ là một kỹ thuật phô diễn những cái gì hời hợt, các ước vọng nông cạn. Nguồn cảm hứng không phải mời gọi mà được, mà là một rung động tự nhiên. Tất cả cố gắng chiếm đoạt cảm hứng qua bất cứ một hình thức nào, chỉ là những ảo tưởng. Tài năng, thiên tư chỉ giúp ta nhận thấy bản ngã, giúp ta thoả mãn các ước vọng thấp hèn, và làm thui chột sự sáng tạo. Một nghệ sĩ chân chính là người thực sự vượt qua các hư ảo của bản ngã, của danh vọng và ý thức cái đẹp của nghệ thuật như một thực tại.

Nhìn thấy mọi người có vẻ ngơ ngác. Harishchandra mỉm cười giải thích:

- Nội tâm con người là một bãi chiến trường luôn luôn có xung đột giữa các quan niệm , hình

thức, lý thuyết, thực hành. Sự tranh chấp này thường gây lầm lỗi. Khi ta nghe một bản nhạc, thưởng thức một bức tranh ta rung động theo cảm nhận của ta. Rung cảm này mỗi cá nhân một khác, vì nó dựa theo các quan niệm, thành kiến sẵn có. Nếu tôi thích nhạc Mozart, thì tất cả các nhạc sĩ khác đều khó có thể so sánh với ông này. Dĩ nhiên người mê Beethoven không đồng ý như thế. Tóm lại, sự rung động của tôi đã có thành kiến, vì như thế tôi mất đi nhạy cảm đối với sự sáng tạo. Một người nghệ sĩ sẽ trở nên một cái máy nếu y chỉ biết phục vụ cho bản ngã, làm việc để phô trương cá nhân, để thoả mãn dục vọng thay vì để sáng tạo. Y chỉ biết “tôi viết”, “tôi soạn nhạc”, “tôi vẽ”, “tôi sáng tác”, v…v… Từ phút đó, y mất đi khả năng sáng tạo tuyệt vời mà chỉ còn

là cái xác không hồn. Sự thành công, lời khen tặng, làm căng phồng bản ngã của y và làm lu mờ sự rung động với cái đẹp thật sự. Cái tinh thần ham lợi, háo danh đó không phải là tinh thần yêu cái đẹp, mà bắt nguồn từ sự khao khát dục vọng. Dục vọng đòi hỏi một sự bảo đảm an toàn, do đó người nghệ sĩ đâm ra sợ hãi. Từ đó, y xây một bức rào ngăn cách với mọi sự vật khác. Y không còn chiêm ngưỡng những cái đẹp nữa. Dĩ nhiên, cái đẹp vẫn còn đó nhưng lòng y đã khô héo vì thành kiến, và xu hướng biệt lập. Thay vì nhìn sự vật như một thực tại, y lại nhìn nó qua một hình thức sưu tập, chiếm hữu biến nó thành một đồ vật. Người nghệ sĩ chân chính chỉ biết sáng tạo, chúng ta chỉ biết thưởng thức. Chúng ta đọc sách, nghe nhạc, ngắm các tác

phẩm nghệ thuật nhưng chúng ta không hề có cái rung động sâu xa của người sáng tạo. Muốn ca hát ta cần có một bản nhạc, nhưng vì không có bản nhạc tuyệt diệu, chúng ta đâm ra theo đuổi ca sĩ. Thiếu sự trung gian này, ta thấy mất mát. Trước một vẻ đẹp, ta lại có ý so sánh nó với một bức tranh; trước một âm thanh thiên nhiên ta lại chỉ tưởng tượng đến một bản nhạc nào đó. Ta chỉ còn biêt rung động qua sự rung động của kẻ khác. Đó không phải là sáng tạo.

Giáo sư Mortimer lắc đầu :

- Muốn sáng tạo, ta cần một tài năng, thiên tư chứ đâu phải ai cũng có thể sáng tạo, đâu phải ai cũng có tài…

Harishchandra lắc đầu :

- Không phải thế, ai cũng có thể sáng tạo mà

không cần tài năng đặc biệt, vì sự sáng tạo là trạng thái tuyệt vời của nghệ thuật. Không bị ảnh hưởng của bản ngã. Sáng tạo không có nghĩa là soạn nhạc, làm thơ, vẽ tranh, nhưng là một trạng thái mà trong đó Sự Thật có thể biểu hiện. Sự Thật chỉ có thể biểu hiện khi tư tưởng ngưng đọng lại. Và tư tưởng chỉ ngưng đọng lại khi bản ngã vắng mặt. Khi tâm hồn hoàn toàn tĩnh lặng, không bị thôi thúc bởi dục vọng, khả năng sáng tạo sẽ tự biểu lộ. Khi "cái ta" không còn nữa, thì tất cả là một sự hợp nhất thiêng liêng. Cái đẹp có thể được diễn tả trong một bài thơ, bản nhạc, nụ cười hay trong sự im lặng. Phần lớn con người không có khuynh hướng yên lặng. Chúng ta không có thời giờ quan sát đám mây trời, buổi hoàng hôn, một ngọn núi hùng vĩ, một bông hoa

hé nở ,vì đầu óc chúng ta quá bận rộn, quay cuồng. Mắt ta nhìn cảnh nhưng lòng ta không rung động chút nào, vì còn mải mê theo đuổi những ảo ảnh. Đôi khi ta cũng có cảm giác rung động khi nghe một bản nhạc hay, nhưng nếu ta cứ nghe đi, nghe lại bản nhạc đó để tìm lại cảm giác ban đầu thì ta đã vô tình giết chết sự sáng tạo. Người nghệ sĩ chân chính là người mở rộng tấm lòng để cảm hứng đến một cách tự nhiên, là người nhìn thấy Chân, Thiện, Mỹ ở khắp tất cả mọi nơi, chứ không phải qua khả năng hồi tưởng hoặc qua một chất kích thích. Người nghệ sĩ chân chính sáng tạo vì lòng yêu cái đẹp, chứ không phải vì tác phẩm sẽ đem lại cho y tên tuổi, tiền bạc, địa vị. Làm thế là đồng hoá cá nhân mình vào đối tượng. Bất cứ ai biết rung động

trước cái đẹp đều là nghệ sĩ, đều là người sáng tạo vì cái cảm giác chân thật, tuyệt vời đó chính là một sự “giác ngộ”, một sự hợp nhất. Cái cảm giác đó không thể tự tạo hay tìm được, mả nó đến và đi một cách tự nhiên…

- Phải chăng ông đã có kinh nghiệm đó ?

- Trong một buổi tham thiền, tôi ý thức được điều này, và từ đó tôi nhìn thấy cái đẹp ở bất cứ mọi nơi. Tôi sống trong tâm thức này và có thể sáng tạo mãnh liệt qua bất cứ một phương diện hay hình thức nào… âm nhạc, hội hoạ, thơ phú, v…v….

- Ông có thể cho chúng tôi nghe một bài nhạc không ?

Harishchandra mỉm cười, rút trong áo ra một cây sáo trúc rất dài, y đưa sáo lên miệng nhưng

rất lâu không một âm thanh nào phát ra. Giaó sư Mortimer sốt ruột :

- Chúng tôi không nghe thấy gì cả, ông có thổi sáo hay không đó ?

Đạo sĩ ung dung :

- Các ông chưa biết thưởng thức âm nhạc vì lòng các ông còn đầy thành kiến, hãy im lặng vì âm thanh của tôi là sự bình an…

Giáo sư Mortimer toan cãi, nhưng đạo sĩ đã đưa một ngón tay lên miệng làm hiệu để ông im lặng. Bất chợt giáo sư Mortimer rùng mình, một âm thanh kỳ lạ ở đâu bỗng phát ra. Một cảm giác bình an từ từ thấm nhẹ trong cơ thể và ông thấy mình đắm chìm trong một niềm hoan lạc khó tả, trong một thế giới lạ lùng của âm thanh. Âm thanh thật chậm, thật êm, nhỏ như tiếng gió thì

thào qua các ngọn cây, như tiếng nước róc rách qua khe suối. Thời gian như ngưng đọng lại. Khi giáo sư Mortimer giật mình tỉnh lại, thì âm thanh đã chấm dứt từ lâu. Đạo sĩ vẫn ngồi yên khẻ mỉm cười, cây sáo trúc đặt trước mặt. Toàn thể phái đoàn ngây ngô nhìn nhau không nói nên lời. Giaó sư Mortimer lắc đầu thắc mắc :

- Âm thanh gì kỳ vậy ? Liệu ông có thể giải thích được không ?

Đạo sĩ mỉm cười :

- Các ông nên biết, con người có nhiều thể bao quanh xác thân như thể phách, thể vía, thể trí…Các thể này được cấu tạo bằng những nguyên tử rất nhẹ, rất thanh gần như vô hình. Âm nhạc tự nó đã có các rung động cùng nhịp với sự rung động của các thể, nên ảnh hưởng rất

nhiều đến con người. Âm thanh vừa qua căn bản trên “phần tư âm” , có tác động lên thể trí các ông. Các loại âm thanh dựa trên “phần ba âm” tác động lên thể vía, và “phân nửa âm” tác động lên thể xác. Điều này cũng dễ hiểu thôi, vì “phần tư âm” thanh hơn nên ảnh hưởng đến các thể nhẹ hơn. Con người chỉ biết tác động của âm nhạc ở cõi vật chất nhưng không hiểu ảnh hưởng của chúng ở các cõi trên. Âm nhạc lưu một dấu vết trên thân thể con người, và trực tiếp ảnh hưởng đến tính tình, hành động. Điều này có thể ví như khi ta ném một hòn đá xuống ao. Khi hòn đá chìm nhưng làn sóng vẫn gợn, và lan rộng ra. Một cái lá nổi trên mặt nước chắc chắn sẽ chịu nhiều ảnh hưởng. Hậu quả của âm nhạc còn mạnh hơn như vậy. Do đó, việc chọn

nhạc để nghe rất quan trọng. Kinh Veda đã nói, "vũ trụ tạo lập do sự phối hợp các âm thanh". Thánh kinh cũng ghi nhận, "huyền âm xuất hiện trước nhất, và huyền âm ở với thượng đế, huyền âm là thượng đế."

Phái đoàn nhìn nhau, một lần nữa tu sĩ Ấn giáo đã giải thích một đề tài mới lạ và trích dẫn Thánh kinh, quyển sách không xa lạ với người Âu.

Nhờ âm thanh mà các sinh vật thông cảm với nhau. Quyền năng này rất đơn giản ở loại thú cầm và dân dần trở nên phức tạp ở loài người. Từ ngôn ngữ đến tiếng hát thô sơ chỉ có vài bước và bước này tạo nên âm nhạc. Âm nhạc là một công thức tế nhị, kín đáo để truyền thông nhưng có một tác dụng cực mạnh, có thể làm

thay đổi quốc gia, xã hội, truyền thống. Nó còn mạnh mẽ hơn các giáo điều, triết lý vì nó ảnh hưởng đến các thể vô hình. Con người chỉ hiểu rằng khi nghe nhạc buồn lâu ngày, ta sẽ trở nên u sầu. Khi nghe nhạc vui lòng ta thấy phấn khởi. Thật sự lòng ta chỉ phản ảnh một cách vô thức những đổi thay trong các thể. Từ ngàn xưa , âm nhạc đã giữ một địa vị quan trọng và ảnh hưởng rất lớn từ vua chúa đến thứ dân. Các ông không thấy thời đại nào, âm nhạc càng thay đổi, biến chuyển nhiều thì thuần phong, mỹ tục càng suy giảm, và xã hội càng đảo lộn hay sao ? Trái lại khi âm nhạc bị hạn chế thì xã hội đâm ra bảo thủ. Các ông cho rằng âm nhạc là sản phẩm văn hoá, tiêu biểu cho từng thời kỳ. Điều này không đúng lắm vì lịch sử cho thấy mỗi khi âm nhạc

thay đổi là chính trị, văn hoá thay đổi theo sau. Âm nhạc có tính cách xây dựng cũng như huỷ hoại, chỉ có các âm thanh tinh vi do sự sáng tạo chân thành của lòng vô ngã mới đưa ta trở về quê hương của linh hồn. Muốn sáng tạo các loại nhạc này con người cần phải để cho Chân Ngã sáng chói, cần trau dồi cho tâm hồn tĩnh lặng để hoà đồng với vũ trụ. Vì âm thanh của vũ trụ lúc nào cũng vang lừng cho những người thức tỉnh, người biết thưởng thúuc, biết yêu cái đẹp, biết nghe những huyền âm cao cả trong yên tĩnh vô biên. Hãy yên lặng, các ông sẽ học hỏi nhiều điều mới lạ. Hãy cố gắng nhìn mọi vật như một thực tại, các ông sẽ sáng tạo và khi sống trong tâm thức sáng tạo, các ông đều là những nghệ sĩ, những người biết yêu cái đẹp, biết rung động

với Chân, Thiện, Mỹ.
Bác sĩ Bandyo, cựu giám đốc bệnh viện Calcutta, một giáo sư đại học nổi tiếng về khoa giải phẩu. Ông là một bác học Ấn độ đã được đề nghị trao giải thưởng Nobel về y học. Sau một biến cố, ông từ chức, lui về ẩn cư tại một làng nhỏ gần Rishikesh để săn sóc sức khoẻ cho dân chúng tại đây. Ông là người mà thương gia Keysmakers ca tụng và hết sức giới thiệu, nên phái đoàn tìm đến gặp.
Sau vài câu chuyện xã giao, giáo sư Mortimer lên tiếng :
- Chúng tôi nghe nói ông đã từ chức trong trường hợp hết sức đặc biệt. Thương gia Keysmakers dặn chúng tôi nên hỏi ông về việc này. Xin ông vui lòng cho biết lý do.

Bác sĩ Bandyo im lặng một lúc và trả lời :
- Đây là một câu chuyện đáng lý không bao giờ tôi nói cho ai biết, nhưng vì có lời giới thiệu của Keysmakers, nên tôi sẵn sàng. Như các ông biết, tôi là một khoa học gia nổi tiếng, trọn đời hiến dâng cho khoa học. Tôi không biết gì về Yoga cũng như không hề tin tưởng các sự kiện vô hình, huyền bí, mà chỉ tin những gì khoa học có thể chứng minh một cách rõ ràng thôi. Là một bác sĩ chuyên nghiên cứu bệnh tật miền nhiệt đới, tôi có thói quen là rất thích nghiên cứu các chứng bệnh lạ lùng, khó chữa. Tôi đã điều trị hơn 100 trường hợp lạ lùng mà bác sĩ khác đã bó tay. Tôi ghi nhận rất kỹ triệu chứng bệnh lý cũng như phương pháp chữa trị và viết vài tài liệu y học để giảng dạy trong các trường y khoa

thế giới . Tôi đã nhiều lần đi diễn thuyết về bệnh miền nhiệt đới, và được đề nghị trao giải thưởng Nobel. Dĩ nhiên đó là một vinh dự lớn cho cá nhân tôi và xứ Ấn độ. Một hôm, người ta đưa vào bệnh viện một cô bé chừng mười ba, mười bốn tuổi gì đó. Cô bé mắc một chứng bệnh hết sức lạ lùng, chưa từng nghe nói đến. Tôi rất thích thú, dành trọn thời gian nghiên cứu căn bệnh này. Một hội đồng Y khoa gồm các bác sĩ danh tiếng nhất được thành lập để nghiên cứu, suốt mấy tháng liền, chúng tôi ra công chữa trị, nhưng bệnh nhân vẫn không thuyên giảm. Cuối cùng thì mọi người đành bótay. Tôi tuyệt vọng ngồi cạnh bệnh nhân, chờ em bé trút hơi thở cuối cùng. Chưa bao giờ tôi thấy mình bất lực trước sự sống chết vô thường như vậy. Bất chợt

trong giây phút đó, tôi bỗng ý thức một điều lạ lùng là sự hiện diện của một bầu không khí tươi mát và êm ái không thể tả. Khắp phòng bỗng rực rỡ một màu sắc chói sáng và tôi thấy một người đàn bà hiện ra ngay bên cạnh giường cô bé. Thân thể ngài sáng chói hào quang như dòng nước lấp lánh dưới ánh mặt trời. Trong giây phút đó, tôi bỗng nhận thức ra ngài là đức Mẹ thế gian. Ngài mang nhiều danh hiệu khác nhau như đức mẹ Maria của Thiên chúa giáo, đức Qúan Thế Âm Bồ Tát của Phật giáo, đức Avalokiteshvara của Ấn giáo. Ngài thuộc ngôi hai của thượng đế và biểu hiệu cho lòng Từ bi, bác ái, luôn luôn đáp lại những lời cầu sinh của chúng sanh. Trong giây phút, lòng tôi bỗng hoàn toàn thay đổi. Tôi quỳ sụp xuống đất mặc dù

suốt đời tôi chưa bao giờ biết cầu nguyện là gì. Tôi cầu xin với tất cả lòng thành kính, xin Mẹ cứu chữa cho bệnh nhân. Tôi phát nguyện trọn đời tôn vinh hoạt động của Mẹ và theo ngài vĩnh viễn.

Bác sĩ Bandyo im lặng như ôn lại quá khứ. Giáo sư Mortimer sốt ruột :

- Rồi sao nữa, cô bé đó ra sao ?

- Các bạn mến, còn sao nữa, khi đức Mẹ hành động thì có bệnh gì mà không khỏi. Ngày hôm sau, cả bệnh viện xôn xao vì tôi đã chữa khỏi bệnh cho cô bé. Tất cả bạn hữu xúm vào trách tôi đã tìm ra cách chữa, nhưng dấu kỹ, chờ mọi người bó tay rồi mới trổ tài. Trường Y khoa yêu cầu tôi công bố phương pháp chữa trị, và đòi đặt tên tôi vào căn bệnh đó. Họ tin rằng với phát

minh này, chắc chắn giải Nobel sẽ về tay tôi. Các công ty thuốc cũng ồn ào đòi tôi công bố loại thần dược. Chẳng những công ty xứ Ấn , mà ngay các công ty ngoại quốc cũng nhất định đòi mua trọn bản quyền. Dĩ nihên tôi không thể trả lời và dù có nói cũng không ai tin. Hội đồng Y khoa cực kỳ giận dữ, tin rằng tôi dấu nghề, các bạn thân cũng nhất định chất vấn kỳ được phương pháp chữa trị, và kịch liệt công kích thái độ bất hợp tác của tôi. Bộ trưởng Y tế tiếp xúc với tôi, và cho biết có mười bác sĩ khắp thế giới được đề nghị lãnh giải Nobel. Nhưng chỉ một người trúng giải, nếu phát minh của tôi được công bố thì chắc chắn tôi sẽ lãnh giải này. Tôi trả lời rằng chính đức Mẹ hiện ra, và chữa cho bệnh nhân. Tất cả đều cho rằng tôi điên. Sau cùng, giải

Nobel năm đó được trao tặng cho một bác sĩ quốc gia khác. Hội đồng Y khoa Ấn độ vô cùng tức giận đòi trục xuất tôi. Các bạn đồng nghiệp cũng xa lánh và báo chí xúm vào chỉ trích tôi như một “thầy phù thuỷ”. Các ông thử thưởng tượng , đang là một bác sĩ danh giá nhất xứ, bỗng trở nên một “lang băm hạ cấp” ? Lúc đó tôi hiểu thế nào là vô thường .Tôi không biết phải làm gì hơn là cầu nguyện đức Mẹ, giúp cho tôi đủ can đảm để chịu đựng sự bất hạnh này. Tất cả mọi người đều nguyền rủa, chế diễu, chỉ có một người duy nhất tin ở tôi , đó là thương gia Keysmakers. Ông này dùng thế lực bênh vực cho tôi, áp lực Hội đồng Y khoa phải phục hồi danh dự cho một bác sĩ bị vu cáo oan ức. Nhờ ông tung tiền mua chuộc báo chí nên dư luận lắng

dịu dần và rồi người ta không còn chú ý đến tôi nữa. Trong suốt thời gian khủng hoảng, tôi tin rằng sự kiện này ắt phải có lý do, nên hết lòng cầu nguyện đức Mẹ. Trong một buổi cầu nguyện, câu trả lời đã đến với tôi qua một linh ảnh. Trong một tiền kiếp xa xôi, tôi là một y sĩ rất có tài nhưng tôi đã phủ nhận các quyền năng huyền bí và chê bai những kẻ có đức tin hay cầu nguyện đức Mẹ, đó là hậu quả mà tôi phải trả ngày nay… Kể từ hôm nhìn thấy đức Mẹ, một sự thay đổi lớn đã diễn ra trong tâm hồn tôi. Từ nhỏ tôi không hề biết đến tôn giáo. Tôi hấp thụ nền giáo dục Tây phương nên tin tưởng tuyệt đối ở khoa học. Sự chứng kiến phép lạ thay đổi tất cả, như người mù bỗng sáng mắt, tâm hồn tôi hoàn toàn khác trước, tôi thấy thanh thản vô

cùng và đủ sức chịu đựng sự chế diễu của mọi người. Tôi dành trọn thời giờ để cầu nguyện và phát nguyện đời đời, kiếp kiếp theo chân đức Mẹ, cứu giúp tất cả chúng sanh . Một hôm trong lúc cầu nguyện, ngài bỗng hiện ra mỉm cười, và từ đó tôi thấy mình ngụp lặn trong một thế giới mới lạ. Tôi ý thức được các điều mà từ trước không bao giờ nghĩ đến, tôi chứng kiến rõ ràng các cõi giới khác cũng như sự hoạt động, tiến hoá không ngừng của muôn loài. Nói một cách giản dị hơn, khả năng Thần nhãn của tôi bỗng khai mở. Từ đó, tôi quan sát, học hỏi các cõi giới của Thiên thần. Diễn tả cõi giới vô hình bằng lời lẽ thông thường, không thêm bớt là điều rất khó vì lời nói chỉ có thể diễn tả những gì hữu hình. Diễn tả những điều không thể diễn tả, dĩ nhiên

rất vụng về, nhưng bác sĩ Bandyo đã lưu loát, hoạt bát diễn tả thế giới này như một sự kiện khoa học và hiển nhiên.

Bác sĩ Bandyo nhìn toàn thể mọi người , rồi thản nhiên :

- Có lẽ các bạn không tin tưởng lắm, điều này không quan trọng. Tin hay không là quyền của các bạn. Tôi chỉ muốn chia sẽ với các bạn kinh nghiệm tâm linh này thôi. Nhờ khai mở Thần nhãn, tôi biết chung quanh chúng ta có một thế giới vô hình, rộng lớn và có những sinh vật khác sinh sống. Sở dĩ tôi gọi là vô hình vì mắt thường không thể nhìn thấy được, nhưng một ngày nào đó, khoa học sẽ chứng minh được thế giới này. Các sinh vật vô hình thường được chúng ta gọi bằng danh từ như Ma, Quỷ, Tinh linh (entities),

v…v… Vì không có một kiến thức rõ rệt về các sinh vật này, chúng ta đã gán ghép cho chúng nhiều điều không đúng. Thật ra, các sinh vật này cũng có thứ xấu, thứ tốt, cũng như loài người vậy. Một trong các sinh vật này hợp tác chặt chẽ với đức Mẹ trong các công việc của ngài. Danh từ đứng đắn nhất có lẽ là Thiên thần (Deva). Có nhiều loại Thiên thần, mỗi loại phụ trách một công việc riêng. Vì lý do nghề nghiệp, tôi thường tiếp xúc với các Thiên thần chăm lo sức khoẻ. Tôi xin thuật lại thế giới này cho các bạn… Các thiên thần lo về sức khoẻ thường liên lạc chặt chẽ với những người có trách nhiệm trong việc chăm sóc, chữa bệnh. Điển hình là các bác sĩ, ý tá. Một y sĩ có lương tâm chức nghiệp, làm việc để giúp đỡ người khác, luôn luôn được một vị

thiên thần hộ mạng. Vị này thường theo dõi, bao trùm chung quanh y sĩ bằng một hào quang sáng rõ và tác động vào trực giác ông này khi điều trị bệnh nhân. Vị thiên thần trấn tĩnh y sĩ và không ngớt phóng ra các hào quang mịn màng như tơ để chuyển sinh khí đến người bệnh. Công việc của vị thiên thần hình như dung hoà, pha trộn các sinh lực vô hình trong cõi siêu nhiên và sử dụng tư tưởng biến nó thành các sợi tơ ánh sáng tuôn trào vào bệnh nhân. Một bác sĩ tận tâm sẽ có các rung động cộng hưởng với ảnh hưởng này một cách vô hình, tự nhiên thu hút các từ điện tinh vi này vào mình, để nó toát ra ở mười đầu ngón tay, và có thể hàn gắn vết thương một cách dễ dàng, mầu nhiệm. Người ta không thể giải thích tại sao một bác sĩ này lại giỏi hơn một

bác sĩ kia, mặc dù họ cùng hấp thụ một nền giáo dục như nhau ? Và một bác sĩ giỏi, ta gọi là bác sĩ "mát tay", nhưng thật ra đó là do tư tưởng vị y sĩ thanh cao, rung động với các luồng thần lực vũ trụ và trở thành một trung tâm vận hà các sinh lực này đến bệnh nhân. Mặc dù y học tự hào đã chữa được nhiều thứ bệnh, nhưng thực ra trên địa hạt siêu hình còn nhiều vấn đề mà y học phải bó tay. Một bác sĩ có thể ví như một công cụ của thượng đế cứu giúp chúng sinh; nhưng nếu viên y sĩ không ý thức điều này mà làm các hành động bất nhân thì y sẽ chịu các hậu quả rất nặng. Lẽ dĩ nhiên, ân phước dồi dào không thể đến với ông, và vì thế các ảnh hưởng bất hảo sẽ kéo đến ảnh hưởng đến đời sống, chức nghiệp, khả năng của vị này. Nhờ có Thần nhãn, tôi thấy các bác sĩ

chuyên phá thai chẳng hạn, lúc nào quanh ông ta cũng có các oan hồn bu kín. Một bác sĩ bất cẩn cũng thế, ông đã lạm dụng quyền năng thượng đế ban cho, làm thương tổn đến bệnh nhân thì chắc chắn sẽ gặp những điều vô cùng bất hạnh. Từ ngàn xưa, người ta đã biết điều này, nên mới đặt ra lời thề của Hippocrates, đến nay không mấy ai để ý đến chi tiết này. Họ hành nghề như tất cả những nghề nghiệp thông thường khác, không ý thức chức vụ thiêng liêng của mình. Là một bác sĩ chuyên về giải phẩu, tôi có thể lấy kinh nghiệm của mình ra nói : trong cuộc giải phẩu, mạng sống của bệnh nhân hoàn toàn nằm trong tay viên y sĩ, và các thiên thần hộ mạng. Một sơ ý, bất cẩn cũng có thể gây những hậu quả đáng tiếc. Do đó, việc hành nghề y sĩ là một bổn

phận, chức vụ thiêng liêng, đòi hỏi một lương tâm, một lòng bác ái và hy sinh lớn lao chứ không thể coi như một nghề nghiệp kiếm sống thông thường.

- Xin ông nói thêm về thế giới thiên thần, ông đã thấy những gì ?

- Vì nghề nghiệp, tôi thường quan sát các hoạt động của thiên thần trong bệnh viện, thí dụ như phòng hộ sinh, nơi các sản phụ chờ giây phút lâm bồn. Nơi đây có một không khí bình an, mát mẻ do các thiên thần tạo ra để chào đón linh hồn nhập thế. Đối với cõi vô hình, giờ phút này có tính cách vô cùng trang nghiêm, như một cuộc lễ. Vị thiên thần bao trùm y sĩ, y tá trong hào quang và không ngớt di chuyển sinh khí đến người mẹ để giúp bà trong lúc đau đớn. Mọi

nghi thức diễn ra thật chính xác, rõ ràng cho đến khi đứa bé lọt lòng. Khi linh hồn tái sinh, nó có cảm giác bỡ ngỡ như người mê mới tỉnh, linh hồn thấy ngộp thở, tối tăm, nặng nề. Nó cần được trấn an nên khi tiếng khóc chào đời vừa phát ra thì trong cõi vô hình, một ảnh hưởng thanh thoát cũng rung động vào tâm thức đứa bé khiến nó bình tĩnh hơn. Vị thiên thần trông coi buổi lễ có một khuôn mặt uy nghi, tâm thức vị này luôn luôn liên kết chặt chẽ với trái tim đức Mẹ. Một niềm ưu ái đối với sản phụ toả ra từ khuôn mặt của vị thiên thần, và chuyển cho sản phụ dưới hình thức một ân huệ để tán dương chức vụ sinh sản cao cả của bà. Lúc đó, tâm thức sản phụ được nâng lên cao hào với ân phước đức Mẹ …

Bác sĩ Bandyo ngưng nói một lúc, rồi thong thả tiếp :
- Các ông đều thuộc phái nam, nên không thể hiểu tâm trạng người mẹ lúc sinh con. Dù hoàn cảnh có khó khăn, đau đớn thế nào, khi vừa nghe con khóc, tất cả người mẹ nào cũng thấy sung sướng vô biên vì khi đó tâm thức họ đang hoà hợp với ân phước đức Mẹ. Trong tim họ đang phản chiếu sự hiện diện linh động của ngài, chói ngời lòng bác ái, thương yêu vô tả. Vào giờ phút đó, chính vị thiên thần trông coi buổi lễ cũng nhận được một luồng hào quang. Trong ánh sáng đó, người ta thấy một cái gì vinh quang, tươi đẹp, một nguồn an lạc tuyệt vời, tuôn trào đến sản phụ và hài nhi. Khi đó vị thiên thần hộ mạng bắt đầu làm công việc giúp đỡ đứa

bé, giúp nó điều hoà sự sống đang bị xáo trộn. Ngài phát ra các từ điện bao quanh đứa nhỏ, giống như các bọt xà phòng để bảo vệ nó chống lại sự ồn ào bên ngoài. Nhờ đó, đứa bé sẽ thiếp đi trong giây lát, lúc đó vị thiên thần chú tâm điều hoà tâm thức đứa nhỏ để nó thích hợp với hoàn cảnh mới.

Bác sĩ Bandyo im lặng như đắm chìm vào một tư tưởng nào đó, sau cùng ông nói :

- Đối với một đứa bé vừa ra đời, khoa học chỉ lo cho chúng ăn uống, dinh dưỡng đầy đủ mà thôi, chứ không hiểu chúng cần một yếu tố vô cùng quan trọng đó là tình thương. Khi thể xác được chăm sóc thế nào thì các thể khác cũng phải được chăm lo y như vậy; và món ăn cần thiết của các thể này là tình thương. Thiếu tình

thương, đứa trẻ khó lòng sống sót vì nhu cầu tình cảm đôi lúc còn quan trọng hơn các nhu cầu khác. Tình thương là một yếu tố dinh dưỡng cần thiết để trẻ em nẩy nở tâm lý, tinh thần và chính vì cha mẹ không lo đủ nhu cầu này, mà các đứa trẻ chậm lớn, thiếu phát triển. Các bệnh tâm lý, thần kinh đều trực tiếp phát nguồn từ đây. Lý do này cũng giản dị thôi, đứa bé hình dung vũ trụ theo lối cư xử của cha mẹ đối với nó. Tuỳ theo nó được yêu hay ghét mà cuộc đời hiện ra đáng ghét hay đáng yêu. Từ lúc sơ sinh, nó nhận được tiềm lực yêu thương từ đức Mẹ, và nếu được yêu thương, năng lực này sẽ phát động mạnh mẽ và nó sẽ trở thành một trung tâm ban rãi tình thương. Trái lại, nếu nó bị hất hủi, nó sẽ trở nên hung hãn vì mầm yêu thương đã bị dập tắt rồi.

Bổn phận làm cha mẹ là một điều vô cùng thiêng liêng, một trách nhiệm vô cùng quan trọng hơn là việc chỉ lo cho nó đủ ăn, đủ mặc. Tình thương là một năng lực sáng tạo khiến người thương và kẻ được thương trở nên phong phú. Trên thế gian này, tình thương là một thứ mà ai cũng có thể cho mà không sợ phung phí. Một tình thương chân thật có giá trị giao hoà, không gì có thể thay thế được. Nó không bao giờ gây hư hại, mà chỉ tạo ảnh hưởng tốt lành. Tình thương là một sinh lực có thể chữa trị tất cả mọi bệnh tật và đây là điều khoa học cần chú trọng đến.

Bác sĩ Bandyo dẫn chứng :

- Sách "Journal of Medecine" có đề cập đến cuộc nghiên cứu của bác sĩ René Spitz, thuộc đại học New York. Hai nhóm trẻ sơ sinh được nuôi

dưỡng khác nhau. Nhóm thứ nhất được nuôi dưỡng bởi chính cha mẹ chúng; nhóm thứ hai được giao cho các cô y tá. Tất cả đều được nuôi nấng, ăn uống như nhau chỉ khác ở sự yêu thương. Chỉ vài tháng, nhóm trẻ thứ nhất phát triển mạnh mẽ, lên cân, khoẻ mạnh, trong khi nhóm thứ hai chậm ăn, chậm lớn và đau ốm lung tung. Bác sĩ Spitz kết luận rằng trẻ con cần tình thương để có thể phát triển bình thường . Khoa học thực nghiệm đã chứng minh như thế, nhưng bậc làm cha mẹ đâu mấy ai dành nhiều thời giờ cho các con ? Họ chỉ lo cho chúng ăn mặc đầy đủ là cảm thấy làm tròn bổn phận rồi. Cũng vì thế, xã hội Âu Mỹ tuy vật chất đầy đủ, nền giáo dục rất cao mà lại phát sinh đủ các hiện tượng tội ác, thần kinh, vi phạm luật pháp một

cách kỳ dị khác các xứ chậm tiến. Tại sao những nhà thông thái không đặt câu hỏi, phải chăng bậc cha mẹ đã không dành đủ thời giờ cho con trẻ để chúng phát triển bình thường?

Phái đoàn im lặng. Họ thấy bác sĩ Bandyo quả rất có lý trong vấn đề này. Giáo sư Mortimer lên tiếng :

- Hãy trở lại vấn đề các thiên thần, họ còn ảnh hưởng gì đến đời sống con người nữa không ?

- Các thiên thần ít khi nào can thiệp vào đời sống con người. Thật ra, họ vô cùng bận rộn với các sinh hoạt riêng biệt. Thế giới của họ cấu tạo bằng các nguyên tử thanh, nhẹ, có sức rung động rất nhanh, nên họ không thích dính dáng vào thế giới hữu hình, vốn có những rung động thô kệch. Điều này có thể ví như các ông đang

sống ở một nơi mát mẻ, sạch sẽ, không lý nào lại chui vào chỗ hôi hám, nóng bức làm gì.

Giáo sư Allen tò mò :

- Ông có thể sử dụng khả năng thần nhãn vào các việc khác như thế giới bên kia cửa tử được không ?

Bác sĩ Bandyo mỉm cười :

- Bạn mến, trước hết tôi xin xác định rằng chết không phải là hết, mà chỉ là một giai đoạn di chuyển từ kiếp sống này sang kiếp sống khác. Con người chỉ rời bỏ thể xác này thôi. Sự chết không có gì đáng sợ như người ta vẫn nghĩ.

- Như thế người chết có thấy chúng ta không ?

- Họ nhìn thấy chúng ta qua thể vía mà thôi. Do đó, họ biết được tình cảm hoặc ý nghĩ, cảm xúc của ta mặc dù họ không còn nghe được lời nói,

âm thanh cõi trần nữa.
- Như vậy họ vẫn ở gần người sống ?
- Lúc mới từ trần, còn quyến luyến, họ vẫn ở nguyên chốn cũ, gần nhà cửa, gia đình, những người thân. Theo thời gian, họ ý thức được cõi giới mới rồi siêu thoát, nghĩa là hoà nhập với cõi giới mới, không quanh quẩn ở cõi trần nữa. Sự quyến luyến rất có hại cho người chết, nhất là những người chết bất đắc kỳ tử. Họ còn nhiều dục vọng, ham muốn, nên cứ quanh quẩn ở cõi trần, không chịu đi đâu hết.
- Số phận trẻ em khi chết ra sao ?
- Chúng ít ham muốn, dục vọng, nên thảnh thơi, tự tại hơn. Lúc đầu chúng vẫn quanh quẩn, nô đùa quanh cha mẹ, và không ý thức sự chết của mình. Chúng tái sinh rất mau lẹ và thường hay

trở lại gia đình cũ vì các nhân duyên từ trước. Thí dụ như một bà mẹ xẩy thai do sự bất cẩn của bác sĩ chẳng hạn. Đứa bé vẫn tiếp tục quanh quẩn bên mẹ chúng và sẽ đầu thai trở lại khi có dịp. Trong trường hợp phá thai lại khác, đứa bé không hiểu tại sao mẹ nó lại ghét chúng và làm hại nó như thế ? Nó quanh quẩn gần đó một cách đáng thương và tìm cách hỏi mẹ chúng nhưng dĩ nhiên không tìm được câu trả lời.

- Người Á châu thường tin rằng các vong linh thân nhân có thể giúp đỡ người sống và có các quyền năng đặc biệt, vì vậy, có tục lệ thờ cúng tổ tiên. Theo ông thì điều này ra sao ?

Bác sĩ Bandyo cười lớn :

- Theo sự hiểu biết của tôi, con người khi sống ra sao thì chết cũng thế thôi. Không có gì thay

đổi hết! Họ không thông minh hơn, hiểu biết hơn. Hơn nữa, âm dương cách trở, họ khó có thể giúp gì cho người cõi trần. Dĩ nhiên, họ rất muốn tiếp xúc với thân nhân còn sống, nhưng người sống đâu ý thức gì đến sự hiện diện của họ. Đó cũng là lý do người chết rất đau khổ. Hơn nữa, người chết đọc được tư tưởng người sống qua thể vía và đôi lúc biết rõ sự thật còn làm họ đau khổ hơn nữa. Thử tưởng tượng cha mẹ đọc được tư tưởng đứa con mừng rỡ khi cha mẹ chết vì được hưởng gia tài. Người chồng mừng rỡ vì vợ chết rồi, từ nay tha hồ tự do, muốn làm gì thì làm. Người chồng thấy vợ mừng chồng chết vì đã trút được gánh nặng. Các ông nên biết, người đau khổ nhiều, phần lớn là người chết, chứ không phải người sống. Do đó, họ cần

được an ủi, chỉ dẫn.

- Nhưng làm sao an ủi họ được ? Ông vừa nói âm dương cách trở kia mà ?

Bác sĩ Bandyo mỉm cười :

- Có nhiều cách giúp đỡ người chết, một cách tiêu cực và một cách tích cực. Đối với thân nhân người chết, họ có thể làm một cách tích cực như giúp cho người chết thấy thoải mái, nhẹ nhàng để họ mau siêu thoát. Việc thứ nhất nên tránh than khóc, kêu gào, để người chết khỏi xúc động, thương tiếc, và quyến luyến, khó rời cõi trần được. Việc thứ hai là tránh cỗ bàn, mổ gà, làm thịt vì như thế chỉ kêu gọi các vong linh bất hảo, các cô hồn đói khát kéo đến đầy nhà gây ảnh hưởng xấu đến người chết. Nên cầu nguyện trong suốt 49 ngày liền, vì đây là lúc người chết

đang ở trong trạng thái quan trọng, sự cầu nguyện khiến đầu óc họ trở nên sáng suốt, hiểu biết dễ siêu thoát. Nên thiêu xác thay vì chôn cất, để người chết không thấy đau khổ khi nhìn thể xác mình hư thúi, bị dòi bọ đục khoét. Khi không còn lưu luyến thể xác, họ sẽ dễ siêu thoát hơn. Tại Ấn độ, tất cả người chết đều được hoả táng, đó là phong tục rất tốt, vì khôgn còn các vong hồn quanh quẩn các nghĩa địa nữa. Việc tích cực giúp đỡ thường do các tu sĩ đảm trách. Họ xuất vía sang cõi chết để an ủi, hướng dẫn vong linh. Tu sĩ đảm nhiệm việc này phải phát nguyện phụng sự hoàn toàn, phải trải qua một thời gian huấn luyện để giữ tâm trí luôn sáng suốt, vì cõi chết có nhiều cảnh ghê rợn với các sinh vật lạ lùng, một người thiếu kiến thức, hiểu

biết, có thể kinh hoàng ghê sợ. Chỉ khi nào có thể tự chủ hoàn toàn, không bị ảnh hưởng bên ngoài làm giao động, tâm hồn luôn yên tĩnh không lo âu, sợ sệt và có một tình thương hoàn toàn rộng rãi đến tất cả, không còn phân biệt, thì sự giúp đỡ mới kín đáo, vô tư và có hiệu quả. Các ông nên nhớ, qua cõi này, sinh vật có thể đọc được tư tưởng lẫn nhau nên một lời nói không chân thật, tinh khiết có thể mang đến hậu quả không thể lường được.

- Tại sao ông biết rõ như thế ?

Bác sĩ Bandyo mỉm cười :

- Tại vì tôi đang được huấn luyện để làm việc này. Sự khai mở thần nhãn giúp tôi thu thập kiến thức về cõi giới vô hình. Từ đó, tôi nhận thức sứ mạng đức Mẹ đã giao cho tôi. Tôi đã

phát nguyện dành trọn đời để thực hiện thiên ý. Đó là lý do tôi từ bỏ đời sống quay cuồng của đô thị để đến đây. Ban ngày, tôi là một bác sĩ chăm lo săn sóc những người bệnh. Thời giờ còn lại tôi phục vụ đức Mẹ qua các công việc ngài giao phó. Các bạn thân mến, trọn cuộc đời, chưa lúc nào tôi sống thật trọn vẹn như bây giờ.

hết: Chương VI, xem tiếp: Chương VII

Chương VII

Vị đạo sĩ có thể chữa mọi thứ bệnh

Ram Gopal Mukundar là một đạo sĩ nổi tiếng có thể chữa trị mọi bệnh tật. Ông thành lập một đạo viện (Ashram) ở ngoại ô Rishikesh và có khá đông môn đệ.

Qua sự giới thiệu của bác sĩ Kavir, ông bằng lòng tiếp xúc với phái đoàn. Ram Gopal có một thân thể cực kỳ tráng kiện trông như một lực sĩ, bước đi của ông vững chãi và uyển chuyển như một mãnh hổ. Giọng nói của ông hùng tráng như một tiếng cồng. Hàng ngày, ông dành riêng một thời gian để tiếp xúc với bệnh nhân. Ông yêu cầu phái đoàn ngồi đó xem ông trị bệnh. Bệnh nhân gồm đủ hạng người , từ các bậc thượng lưu, quý phái ngồi trên kiệu đến các loại bình dân nghèo đói, lê lết. Họ mang đủ thứ bệnh từ các loại bất trị như ung thư, cùi hủi đến các chứng đau tim, phong thấp, tiểu đường, v..v.. Một bệnh nhân ăn mặc sang trọng, khuôn mặt tái nhợt cho biết y là một phú ông giàu có tại Madras, bị đau tim đã đến thời kỳ trầm trọng. Bác sĩ cho biết nếu lên

cơn một lần nữa chắc chắn y không thể sống.
Ram Gopal yên lặng nghe bệnh nhân kể lể rồi cho biết :

- Hơi thở của ông bị đứt quãng nhiều, tôi nghĩ cơn đau tim sẽ tái phát trong một thời gian không lâu nữa.

Bệnh nhân xanh mặt quỳ mọp xin cứu mạng.
Ram Gopal thong thả cho biết :

- Ông có thể sống thêm nhiều năm nữa nếu chịu khó điều trị. Chắc hẳn ông đã biết cách trị bệnh của tôi ?

Bệnh nhân im lặng suy nghĩ . Ram Gopal giải thích cho phái đoàn :

- Bệnh tật là kết quả của những gì trái với thiên nhiên. Sống thuận theo thiên nhiên không thể có bệnh. Con người bẩm sinh đều khoẻ mạnh, họ

mắc bệnh vì các thói quen, lối sống không hợp tự nhiên, rồi theo thời gian tiêm nhiễm vào cơ thể làm suy nhược. Khi bệnh mới phát ra, con người ỷ lại vào thuốc men, các phát minh khoa học. Tiếc thay, lối này chỉ có thể tạm thời cầm giữ bệnh tật cho nó không phát lên chứ không trừ tuyệt căn. Y khoa Tây phương chỉ ngăn chận bệnh tật không làm nguy hại đến tính mạng trong một thời gian, rồi sau đó cũng bó tay. Muốn trừ bệnh hoàn toàn, chỉ có một cách duy nhất là cương quyết trừ tuyệt gốc và người duy nhất có thể chữa được là "chính mình" mà thôi, ngoài ra không có ai khác. Một khi bệnh nhân ý thức được điều này, nhất định theo đuổi cách trị đến cùng thì hầu như bệnh gì cũng có thể chữa khỏi.

Giáo sư Mortimer lên tiếng :
- Xin ông giải thích rõ ràng hơn nữa.
- Cách chữa cũng rất giản dị, việc đầu tiên bệnh nhân phải làm là quyết định xem có theo phương pháp này được không ? Nếu nhất quyết thì y lập tức từ bỏ tức khắc tất cả gia tài, sự nghiệp, hoàn cảnh gia đình bên ngoài để gia nhập đạo viện cho đến khi hết bệnh.
- Ông muốn nói y phải trở nên một tu sĩ hay sao ?
Ram Gopal bật cười :
- Không phải thế, đây không phải là một đạo viện có tính cách tôn giáo. Tôi không bao giờ bắt buộc ai phải học giáo lý, tin tưởng một số giáo điều, nghi thức hay sùng kính một đấng vô hình nào hết. Đạo viện (Ashram) này chỉ có mục đích

chữa bệnh. Điều tôi muốn thực hiện là để bệnh nhân phải rời bỏ cái nếp sống cũ, cái hoàn cảnh, nguyên nhân đã khiến y mắc bệnh. Lo nghĩ, phiền não, dinh dưỡng không đúng cách là nguyên nhân chính của hầu hết các thứ bệnh. Phải dẹp bỏ, dứt sạch tất cả cho tâm hồn thật thảnh thơi, thoải mái, rồi mới có thể chữa trị được. Đó là điều kiện quan trọng nhất của phương pháp này.

- Nhưng việc gì phải từ bỏ tất cả, đi dưỡng bệnh một nơi xa cũng có hiệu quả tương tự vậy.

Ram Gopal bật cười :

- Điều này không thể chữa tận gốc được, hoàn cảnh tuy có khác nhưng đầu óc bệnh nhân vẫn còn cố chấp, suy nghĩ, lo lắng thì làm sao dứt được phiền não? Chỉ có hoàn toàn dứt bỏ, để

đầu óc không còn bận tâm chút gì nữa, để trở nên con người hoàn toàn mới thì may ra mới có thể chữa hết bệnh được.

- Từ bỏ gia tài, nhà cửa, gia đình đâu phải dễ dàng, mấy ai đã làm được như thế? Nói thì thật giản dị nhưng nó là cả vấn đề…

- Này ông bạn, nếu chết, ông có mang mấy thứ đó đi theo được không ? Ông cứ việc ôm chặt lấy những thứ giả tạo vật chất rồi để đau đớn dầy vò và cái chết quanh quẩn ám ảnh chăng ? Trước sau gì cũng mất nó , thì thà bỏ quách đi có hơn không ? Cách chữa này có thể coi như ta đã chết rồi, đã mất tất cả rồi, và đi tìm cái sống trong cái chết. Nguyên lý của bệnh như sau : con người chìm đắm trong danh lợi, lo quanh, nghĩ quẩn, tích trữ tài sản mà quên sự vô thường ở

đời. Họ chỉ thấy lợi nhỏ mà quên hại lớn. Lo làm giàu vật chất mà quên tu tâm dưỡng tinh thần, vì thế thân thể suy nhược, tâm trí điên đảo, thần trí bất nhất, lại thêm tửu sắc quá độ, hỉ nộ bất thường, dinh dưỡng coi thường và bệnh tật do đấy mà sinh ra. Khi bệnh còn nhẹ, ta không để ý chữa trị, đến khi nó phát ra đe doạ trực tiếp vào đời sống, ta mới hoảng hốt tin tưởng vào các phát minh khoa học chữa trị. Thuốc men chỉ tạm thời ngăn chận khiến cho bệnh chậm tái phát, kéo dài cuộc sống để ta tiếp tục đắm chìm trong dục vọng, phiền toái một thời gian nữa. Đến khi thuốc men trở nên vô hiệu, bệnh tái phát thật mạnh, thì khoa học bó tay, và con người chấp nhận sự phải đến sẽ đến, và coi như đó là số mạng. Đây là một lầm lẫn rất lớn mà ít ai để ý.

Nguyên nhân chính của bệnh là do sự bận rộn với đời sống hàng ngày, nếp sống càng tiện nghi thì họ lại càng hết sức lao tâm, lao lực để đạt đến cái tiện nghi hơn nữa. Thêm vào lòng tham muốn chiếm đoạt, tranh đua để thoả mãn dục vọng nhất thời, khiến cơ thể trở nên mất quân bình, phá hoại cơ quan thần kinh. Cơ quan này là đầu mối của mọi thứ bệnh nên theo thời gian, bệnh từ từ ngấm vào tạng phủ khiến con người càng ngày càng lệch lạc, sống nghịch với thiên nhiên, mất đi sự an lạc sẵn có, nói một cách khác, họ mất đi chính mình. Sự xả ly, dứt bỏ tất cả là bước đầu để trở lại cái tinh thần nguyên thuỷ, nó là điều kiện cần thiết để dứt căn bệnh trầm kha của loài người. Có thể đầu óc mới lấy lại sự thăng bằng để họ có thể điều trị…

- Nhưng bệnh tật có nhiều nguyên nhân chứ, ông nghĩ sao về các bệnh do vi trùng gây ra ?

Ram Gopal lắc đầu :

- Trong người khoẻ mạnh, vi trùng xâm nhập thế nào được ? Người sống theo thiên nhiên không thể có bệnh. Vi trùng thì chỗ nào chả có, nhưng đâu phải ai cũng mắc bệnh như nhau. Nếu vi trùng là nguyên nhân chính thì tại sao có kẻ mắc bệnh và có người lại không mắc bệnh ? Ngay cả những lúc có bệnh thời khí khiến hàng trăm, hàng ngàn người lăn ra chết; nhưng vẫn có những kẻ sống sót đấy chứ. Tóm lại, thân thể khoẻ mạnh có thể chống mọi thứ bệnh.

Ngay lúc đó bệnh nhân ngửng mặt nói vài câu. Ram Gopal lắc đầu và quay sang phái đoàn cho biết :

- Bệnh nhân này muốn trở về nhà thu xếp công việc khoảng vài tháng đến một năm, rồi sau đó mới đến đây chữa bệnh. Lúc này đang là mùa dệt sợi mà y lại là chủ nhân nhiều hãng dệt. Tôi cho y biết không chịu chữa trị khó lòng sống qua một tháng nữa.

Giáo sư Allen kêu lên :

- Nhưng nếu bắt từ bỏ tất cả ngay thì làm sao y có thể thu xếp kịp ?

- Chữa bệnh không phải việc đi chơi. Tôi quan sát thần sắc bệnh nhân rất kỹ và thấy y khó sống lắm rồi. Nếu y mê muội trở về lo thu xếp công việc, thì đầu óc đã lệch lạc lại càng lo âu thêm, thế nào cũng lên cơn đau tim mà chết. Như các ông thấy điều kiện tiên quyết để chữa bệnh là trị tận gốc và đây là giây phút quyết định sự sống

chết. Chỉ có y mới tự chữa lấy cho mình mà thôi. Con người phải hiểu biết để đoạn tuyệt với quá khứ, không thể có lối chữa trị lưng chừng kéo dài thời gian được. Thật ra khoa học đã làm việc này, kéo dài thêm thời gian rồi bó tay. Đây không phải là lối chữa của tôi.

Bệnh nhân đắn đo suy nghĩ một lúc, y ngập ngừng nói vài câu rồi đứng lên bước vội ra khỏi cửa, không dám nhìn ai. Giây phút quyết định đã trôi qua, Ram Gopal thở dài rồi gọi một bệnh nhân khác vào. Sau buổi khám bệnh, chỉ có một số chấp nhận theo lối chữa lạ lùng này, và được các đệ tử của đạo sĩ đưa vào đạo viện.

Ram Gopal cho phái đoàn biết bệnh nhân chỉ được mang theo một bộ quần áo và tuyệt đối không được tiếp xúc với ai trong thời gian điều

trị. Dĩ nhiên, khi hoàn tất việc chữa trị, y có thể rời nơi này theo ý muốn. Một số người sau khi vào đây khong từ bỏ việc đời lại bỏ ra về và số này không phải ít.

Giáo sư Allen thắc mắc :

- Nhưng sau khi vào đây, họ sẽ phải làm gì ? Ông chữa trị ra sao ?

- Như các ông đã biết, yếu tố đầu tiên là cương quyết chữa bệnh cho đến khi tuyệt căn mới thôi. Yếu tố này đòi hỏi việc xả ly, dứt bỏ tất cả mọi sự. Yếu tố thứ hai là tự mình chữa trị lấy cho mình vì không ai có thể chữa bệnh cho ai cả. Yếu tố này đòi hỏi việc làm chủ các cảm giác của mình để chữa bệnh. Tại đây, bệnh nhân ăn rất ít, thời gian đầu y chỉ uống nước suối và ăn cơm nhạt thôi. Phương pháp này nhắm việc tẩy uế

các chất độc trong cơ thể. Một lý do quan trọng gây nên nhiều chứng bệnh là sự ăn uống bừa bãi, không tiết độ. Để giúp cơ thể loại bỏ các độc tố đã nhiễm từ lâu. Bệnh nhân chỉ ăn thật nhạt nghĩa là không một chút gia vị, đường hay muối (ghi chú : người Ấn ăn rất nhiều gia vị và rất mặn). Mỗi ngày, bệnh nhân chỉ ăn một lần trước buổi trưa và uống nước vài lần thôi. Uống ít nước giúp cho tim đập chậm lại vì dung lượng nước qua tim sẽ ít đi. Tim và thận được nghỉ ngơi sẽ giúp cơ thể lấy lại quân bình mau chóng, đây là hai cơ quan thiết yếu giữ các vai trò quan trọng cho việc phục hồi sức khoẻ. Ăn nhạt khiến gan và dạ dày thải bỏ các độc tố tích tụ trong đó, cứ thế trong khoảng hai tuần lễ là đa số độc tố đã bị khu trục cả. Nếu muốn các ông cứ thử ăn

nhạt ít tuần lễ là thấy cơ thể đổi khác ngay. Ngoài việc dưỡng sinh đúng cách, bệnh nhân dành trọn thời giờ tập Yoga, để lấy lại quân bình cho cơ quan thần kinh, khối óc. Tư thế đầu phải tập là cách ngồi cho ngay ngắn, lưng thật thẳng để luồng hoả hầu di chuyển không gặp khó khăn. Hai tay buông thỏng trên đầu gối và thở thật tự nhiên, không cố gắng thái quá. Trong khi tập tư thế này, không để tâm xao động, lo nghĩ việc gì, phải "vô cầu, vô niệm" mới là đúng cách. Không sử dụng thần chú hay xin xỏ một đấng thần linh nào, mà chỉ cần hết sức tự nhiên, theo thời gian bệnh sẽ từ từ thuyên giảm.

Giáo sư Mortimer thốt lên :

- Chỉ có thế thôi ư ? Như vậy giản dị quá có khó gì đâu ?

Ram Gopal thản nhiên :
- Dĩ nhiên , nhưng phải làm thật chuyên cần không gián đoạn trong suốt thời gian tại đây cho đến khi khỏi bệnh.
Mọi người nhìn nhau, họ nghĩ đạo sĩ này phải có một phương pháp gì ghê gớm lắm hoặc sử dụng thuốc men gì đó để chữa trị, chứ phương pháp ông nói thật tầm thường và có vẻ hoang đường khó tin.
Ram Gopal hiểu ý :
- Khi trở về với chính mình, với con người nguyên thuỷ, hoà hợp với thiên nhiên thì bệnh tật và sức khoẻ chỉ là những gì tương đối, không còn tranh chấp nữa. Con người thật của ta vốn sẵn có kia mà, việc gì phải gò bó, khó khăn mới tìm được. Khi dứt bỏ tất cả, ta trút được một

gánh nặng ở tâm hồn. Khi ăn uống đúng cách, ta loại bỏ yếu tố gây nên bệnh tật, và cách tập Yoga giúp ta lấy lại quân bình nguyên thuỷ, trở về với con người thật của mình, như vậy là "tự mình chữa cho mình", không ỷ lại vào một tha lực hay một yếu tố bên ngoài nào hết.

- Nhưng ngoài ra còn phải uống thuốc men gì nữa chứ ?

Ram Gopal lắc đầu :

- Phương pháp này không sử dụng thuốc men gì cả, đó là một phương pháp hết sức tự nhiên và khoa học. Dĩ nhiên, nếu ông chở đến một người bệnh sắp chết hay một kẻ gẫy chân, gẫy tay thì tôi không thể chữa như thế được. Nói khác đi, nếu một kẻ mắc bệnh thời khí hay các bệnh thông thường thì họ đã đi kiếm các bác sĩ chữa

trị, chứ việc gì phải đến đây ? Hầu hết các bệnh nhân đến tận rừng hoang núi thẳm này chỉ là những kẻ đã tuyệt vọng hoặc gặp các chứng nan y mà y sĩ đã bó tay. Các ông nên biết, cơ thể con người có khả năng làm hồi phục rất nhiệm mầu. Sở dỉ cơ thể suy yếu, bệnh hoạn, vì họ sống không tự nhiên, có thế thôi. Sống tự nhiên không những giúp thể xác khang kiện, mà còn mục đích tối hậu là dẹp bỏ cái “phàm ngã” trở về cái “chân ngã” của mình. Khi từ bỏ được bản ngã thấp hèn thì ta ung dung, tự tại, thảnh thơi, tiêu diêu cùng trời đất, thiên nhiên, thì còn lo lắng chi nữa ? Trên lý thuyết thì thật dễ dàng nhưng thực hành lại là cả một vấn đề. Con người quen sống bừa bãi, nô lệ dục vọng xác thân quá lâu, đến nổi sinh bệnh, rồi muốn cởi bỏ tất cả đâu có dễ.

Quen ăn ngon, mặc đẹp bây giờ ăn vài nắm cơm nhạt, uống vài gáo nước suối đâu phải ai cũng làm được ngay lập tức. Khốn nổi muốn trừ tận gốc phải uống thuốc đắng và thuốc đắng chính là lối sống tự nhiên này.

- Nhưng đã có bằng chứng gì về phương pháp này ? Làm sao biết được nhờ thực hành như trên mà bệnh nhân khỏi bệnh, kéo dài đời sống ?

Ram Gopal không tỏ vẻ giận dữ về câu nói bất kính :

- Tôi có hơn ba ngàn môn đệ, tất cả đều là người mắc bệnh nan y sống tại đây. Đa số đã bị các bệnh viện từ chối, vì không chữa được nữa. Họ vẫn sống nhiều năm nay, hàng ngày cả trăm người đến xin gia nhập đạo viện, và chỉ có một thiểu số cương quyết mới được chấp nhận. Đã

thế, nhiều người không qua kỳ thử thách cũng bỏ đi rất nhiều, nhưng trong số những người ở lại, tất cả đều hết bệnh, tuyệt căn. Các ông nên nhớ tôi không nhận một thù lao hay đòi hỏi ân huệ gì, tôi cũng không tự xưng một danh vọng, chức tước nào hết. Đời sống ở đây hoàn toàn tự túc, và kẻ khoẻ mạnh phải lo trồng tỉa, gặt hái thực phẩm . Quy luật đạo viện không nhận tặng vật dù bất cứ thứ gì, nhiều kẻ tỏ ý muốn dâng tài sản, sự nghiệp khi đến đây với hy vọng sẽ được đối xử đặc biệt. Tôi yêu cầu một khi đã dứt bỏ tất cả, thì hãy bố thí cho người nghèo, hoặc để lại cho con cháu, thân nhân, rồi đến đây với bộ quần áo trên người. Dù bệnh nhân là tiểu vương gia hay kẻ hành khất tôi cũng coi như nhau, mục đích của họ là chữa bệnh và chỉ có họ mới có thể

chữa cho mình. Đạo viện được thành lập chỉ để thực hành việc chữa bệnh mà thôi, chứ không phải một nơi giam cầm hay có tính cách tôn giáo. Muốn gia nhập phải tuân theo các điều kiện, nhưng muốn rời đây thì tuỳ ý, không hề có sự ngăn cản.

- Nhưng ông có dạy các phương pháp Yoga ?

- Đúng thế, nhưng Yoga là một khoa học, không phải tôn giáo như nhiều người đã hiểu lầm. Ngoài ra tôi chủ trương một lối tu thân cho những người muốn vào cửa đạo nhưng đây cũng không phải là một tôn giáo.

- Xin ông vui lòng giải thích phương pháp tu này.

Ram Gopal mỉm cười :

- Như các ông thấy, phương pháp dưỡng sinh và tập Yoga có thể giúp con người vượt qua các

bệnh tật. Cũng như thế, phương pháp tu thân sẽ giúp con người vượt qua các trở ngại để tiến vào cửa đạo. Có rất nhiều phương pháp tu hành tuỳ theo quan niệm cá nhân, hoàn cảnh xã hội chung quanh, tôn giáo… Nhưng tất cả đều nhắm mục đích chung là giải thoát. Tôi không quan niệm một phương pháp nào mà để mỗi cá nhân tuỳ theo sở thích lựa chọn. Tôi chỉ khuyên họ nên sáng suốt kiểm soát cách thức tu hành để tránh các sai lầm thông thường. Như các ông thấy, trên các con tàu lướt sóng ngoài biển khơi bao la, cứ khoảng nửa giờ, vị thuyền trưởng phải nhìn vào bản đồ, xem địa bàn, đo phương hướng để xác định vị trí con tàu. Biết mình ở đâu và đi đến đâu là câu hỏi quan trọng của mọi người trên đường đạo . Công việc tu hành cũng thế,

người tu lúc nào cũng phải luôn luôn tự hỏi vê mình, để kịp thời sửa sai các lỗi lầm thông thường vì sai một ly đi một dặm. Khi con tàu rời bến, một lỗi lầm nhỏ từ khởi điểm có thể làm con tàu đi xa mục tiêu vài chục hải lý. Đường tu cũng thế, một ý niệm sai lầm có thể khiến ta đi vào tà đạo lúc nào không hay. Phương pháp tại đạo viện không chú trọng đến hình thức, mà chỉ nhắm vào kiểm soát thường xuyên quan niệm của người tu đối với bản thân mình, với mọi người chung quanh. Phải tự xét mình, kiểm soát tư tưởng của mình từng ngày, từng giờ, rồi suy ngẫm về bản ngã, chân ngã. Kinh Veda đã dạy, "ta không phải là xác thân vật chất này mà là một linh hồn cao quý, trường tồn, một điểm linh quang của thượng đế." Nói khác đi, con người là

một linh hồn bất diệt còn thể xác chỉ là một dụng cụ thô sơ, tạm thời. Người hiểu đạo là người ân cần lo lắng cho linh hồn hơn là cái xác thân tạm bợ. Chân lý này giúp cho người tu tránh các tội ác, các phiền não, vì đa số người đều lầm tưởng mình là xác thân nên lo lắng, chìu chuộng nó đủ điều. Để cho xác thân được sung sướng họ đã không ngần ngại giết nhau, làm hại nhau, lừa bịp lẫn nhau, tóm lại tất cả những gì xấu xa, tồi bại. Nếu ý thức được chân lý này thì ai lại còn vơ vét của cải, vật chất làm gì, vì các thứ đó đâu có ích lợi gì cho linh hồn. Người hiểu biết đường đạo ý thức linh hồn là ta, là người làm chủ, còn xác thân chỉ là con ngựa để ta cưỡi đi trên đường . Người chưa hiểu biết nhận mình là con ngựa và cố gắng thoả mãn các nhu cầu

của họ. Họ không ý thức mình là tay kỵ mã kiêu hùng bất diệt mà cam chịu thân phận con vật yếu hèn chịu sự chi phối của thời gian và không gian. Căn bản đầu tiên của người đi trên đường đạo là ý thức mình, duyệt xét đường đi của mình để tìm một lối tu thân hợp lý. Kinh Veda lại dạy rằng, “Ta và người tuy bề ngoài khác biệt nhưng thực sự bên trong lại như nhau, bởi tất cả đều cùng chung một nguồn gốc mà ra”. Chân lý này cho thấy chúng ta đều là hoa trái của một cái cây, cùng chung một gốc, bề ngoài tuy káhc, nhưng bề trong tất cả đều là con của thượng đế. Nếu ý thức được chân lý này thì ai lại còn giận hờn, oán thù, ghen ghét nhau. Có khi nào tay mặt lại cầm dao chém tay trái, có khi nào anh em lại thù nghịch hãm hại lẫn nhau. Sự khác biệt

giữa con người là do mức tiến hoá khác nhau qua các kiếp sống. Có khi nào ta thù ghét một kẻ kém ta đâu ? Suy luận rằng, “vạn vật đồng nhất”, ta sẵn sàng tha thứ cho kẻ khác, vì họ không hiểu biết, không ý thức hành động của mình, vả lại họ và ta nào có khác nhau đâu. Khi hiểu rằng “nhất bổn tám vạn thù”, ta nhìn vạn vật như chính mình, từ loài người qua loài thú, thảo mộc, kim thạch, và ý thức rằng mọi vật đều có sự sống, đều có thượng đê ngự ở trong. Ta sẽ cởi bỏ thành kiến, mở rộng lòng thương đến muôn loài. Người tu là người sống thuận hoà với mình và mọi người, sống an lạc với vạn vật trong vũ trụ, sống hoà hợp với thiên nhiên một cách ung dung tự tại. Đó là con đường tu đứng đắn nhất theo sự hiểu biết của tôi.

Ram Gopal nhìn mọi người, rồi mỉm cười :
- Nếu chúng ta tu một thời gian mà thấy lòng không vui vẻ, phấn khởi, gương mặt không thoải mái, cử chỉ không dịu dàng, lời nói không ôn tồn, tâm hồn không thương mến thì chắc là ta đã không sống thuận lẽ đạo. Có lẽ ta đã đi vào tà đạo lúc nào mà không hay. Khi tu hành mà tâm thần rối loạn, thần trí đảo điên, tham lam, sân hận, oán thù, thì đó là triệu chứng đã đi lạc đường rồi. Nếu biết thế phải lập tức kiểm điểm lại phương pháp tu hành để sửa đổi, và quyết tâm trở lại khởi điểm để bắt đầu lại con đường đạo. Nếu không làm như thế thì vô phương cứu chữa, cũng như bệnh đã nhập tâm mà còn mê say luyến tiếc vật chất, không cương quyết dứt bỏ thì làm sao còn chữa trị được. Này các bạn,

giáo lý nào cũng dạy phải thương yêu, tha thứ và giúp đỡ đồng loại nhưng tại sao xã hội lại không như vậy? Tại sao giữa cái biết và hành xử lại có sự trái ngược ? Phải chăng lòng con người còn ham mê vật chất, tuy nghe điều hay lẽ thiệt nhưng ta vẫn để đó, tiếp tục làm các điều càn rỡ. Người bệnh cũng thế, khi mới mắc bệnh không lo chạy chữa mà chờ khi mạng sống bị đe doạ mới cuống lên, thuốc gì cũng uống, ai nói gì cũng làm, cố sao kéo dài đời sống. Tại sao lại có các điểm tương đồng như thế ? Khoa học công nhận rằng ăn uống điều độ, có thể tránh bệnh tât, nhưng biết rồi để đó, chứ có mấy ai theo ? Hình như chúng ta vẫn thèm miếng ngon, vật lạ dù biết nó là chất độc. Nếu chúng t chấp nhận tất cả đều là con của thượng đế, tại sao ta vẫn đâm

chém, làm hại lẫn nhau ? Nếu chúng ta chấp nhận các loài cầm thú là đàn em bé bỏng, thì ta phải tránh sát sinh chứ. Tại sao ta vẫn giết hại “đàn em” qua các bữa ăn thịnh soạn ? Phải chăng miếng ăn, vì béo đã làm ta quên hết rồi ? Vấn đề của cải cũng thế, ta biết chúng chỉ là vật tạm bợ, vô thường khi chết nào có mang theo được; nhưng thực tế, hễ đâu có của cải là nơi đó có tranh chấp lẫn nhau. Hãy nhìn đàn gà trong sân, chúng đang vui vẻ nô đùa nhưng hễ có ném cho nắm thóc, là có xô xát ngay. Hãy nhìn bầy chó cùng cha, cùng mẹ âu yếm liếm nhau kia, nhưng chủ ném cho cục xương là cắn nhau tức thì. Loài người thông minh hơn loài vật nhưng của cải, danh vọng, vật chất đa làm họ bất hoà có khác chi loài thú ? Từ mấy ngàn năm nay, con

người luôn được hướng dẫn bởi các chân lý cao đẹp. Tôn giáo nào cũng dạy những điều thật tốt lành nhưng tại sao vẫn không thấy có sự tiến bộ? Phải chăng vì chúng ta chỉ nói chân lý ở đầu môi, chót lưỡi ? Ta đến các thánh đường tôn nghiêm với y phục sang trọng nhất, các lễ vật đẹp đẽ nhất, đọc thuộc lòng các lời răn chân chính nhất nhưng chúng ta vẫn làm các điều xấu xa, bỉ ổi nhất. Có bao giờ các ông nghĩ về những điều này không ?

Mọi người im lặng nhìn nhau không ai thốt lên lời nào. Ram Gopal mỉm cười :

- Hãy dở Thánh kinh mà xem, đức Jesus đã dạy, "các người đừng quá lo về y phục hay thức ăn. Đời sống không quý báu hơn thức ann và thân thể, không quý báu hơn y phục hay sao ? Hãy

nhìn loài chim bay trên trời, chúng không hề gieo cũng không hề gặt, không chứa chấp thực phẩm trong bồ, nhưng cha của các ngươi trên trời vẫn lo cho chúng chu đáo. Các người không quý hơn chim muông hay sao ?" Lòi dạy thật rõ ràng, giản dị và chắc chắn, các ông đã nghe nói qua nhiều lần rồi, nhưng có lẽ không mấy người hoàn toàn tin tưởng nên thế giới mới có những cảnh chém giết vì miếng ăn, manh áo.

Một lần nữa, phái đoàn lại ngạc nhiên vì một tu sĩ Ấn độ sống nơi hoang vu, hẻo lánh dưới chân núi Tuyết Sơn lại trích dẫn Thánh kinh một cách rành mạch cho thính giả người Âu.

Ram Gopal im lặng như suy nghĩ một điều gì, sau cùng ông lên tiếng :

- Vì biết rằng của cải, vật chất là nguồn gốc của

tội lỗi, cám dỗ nên tại đạo viện này mọi người chỉ được giữ một bộ quần áo trên mình và phải đoạn tuyệt với vật chất hoàn toàn. Còn lo giữ của tức là còn lo mất, quyến luyến vật chất như vậy thì làm sao giải thoát được. Giữ tiền bạc, của cải hay danh vọng có thể ví như đeo gông vào người, rồi nhẩy xuống sông, chắc chắn sẽ chìm chứ làm sao bơi lội cho được, phải thế không các bạn ?

Giaó sư Mortimer lên tiếng :

- Ông nói cũng có lý nhưng không hẳn tôn giáo nào cũng lánh xa của cải, vật chất. Đôi lúc họ cần những thứ này để làm các công việc như mua thực phẩm, xây cất thánh đường, v..v.. Tiền bạc có công dụng riêng của nó.

Ram Gopal gật đầu :

- Sử dụng tiền bạc đúng cách là một vấn đề còn để nó cám dỗ lại là một vấn đề khác. Chính đức Jesus đã dạy, "kẻ giàu có tu hành chẳng khác con lạc đà chui qua lỗ kim. Một người không thể thờ hai vua, ngươi thờ Chúa hay thờ tiền bạc". Một người tu hành chân chính không thể nô lệ bạc tiền dưới bất cứ hình thức nào. Các ông chắc thắc mắc tại sao tôi cương quyết chủ trương tuyệt sở hữu, gặp nhau hôm nay cũng là một nhân duyên, tôi xin kể một câu chuyện để các ông hiểu tại sao con đường tu hành cho rằng tiền bạc, vật chất là trở lực lớn cho người tu. Câu chuyện như sau : "Một đệ tử quyết tâm cầu đạo, xin học với một đạo sư. Sau thời gian học hành chăm chỉ, một hôm sư phụ có việc phải đi xa nên dặn học trò ở lại chăm lo tu hành. Học trò nghe

theo lời thầy, thiền định sớm hôm không hề bê trễ, Vì nếp sống tu hành thanh bần, tu sĩ chỉ có độc mỗi một miếng khố che thân. Nhưng chiếc khố cứ bị chuột cắn rách hoài nên tu sĩ cứ lâu lâu lại phải đi xin một mảnh vải che thân khác. Dân làng thấy vậy, bèn biếu tu sĩ một con mèo để trừ lũ chuột. Tu sĩ đem con mèo về nuôi, từ đó chuột không dám lộng hành nữa, nhưng tu sĩ lại phải lo thêm một phần ăn. Ngoài thực phẩm chay tịnh, tu sĩ phải xin sữa để nuôi con mèo. Một tín đồ thấy vậy bèn tình nguyện dâng cúng tu sĩ một con bò cái để có sữa nuôi mèo. Tu sĩ vui vẻ nhận con bò nhưng nuôi được mèo lại không có rơm cho bò ăn. Do đó, ngoài thức ăn khất thực, tu sĩ lại phải đi xin rơm về nuôi bò. Dân làng thấy vậy bèn biếu tu sĩ một mảnh đất

và dụng cụ canh nông để tu sĩ trồng trọt, nuôi bò. Tu sĩ ra công cầy cấy nên rau trổ thật nhiều, bò ăn không hết, phải mang bán ngoài chợ. Miếng đất thật mầu mỡ sinh hoa lợi quá nhiều, tu sĩ làm không xuể, phải gọi người đến làng giúp. Lạ thay, miếng đất cứ thế sinh sôi nẩy nở, trồng gì cũng tươi tốt và chả mấy chốc trở nên một đồn điền trù phú. Tu sĩ có nhiều hoa lợi bèn xây một đền thờ to lớn, đẹp đẽ, thuê thợ khắc tượng, đúc chuông thật vĩ đại, nhưng thời gian tu hành không còn là bao vì tu sĩ phải lo trông nom đồn điền, lo sổ sách giao dịch buôn bán, kiểm soát nhân công trồng tỉa, rồi có tiền bạc phải lo đầu tư, bỏ vốn mua thêm đất đai, khai khẩn thêm nữa. Một hôm, sư phụ trở về không trông thấy túp lều đơn sơ nữa mà thay vào đó

một ngôi đền tráng lệ, nô nức khách hành hương, trong đền ồn ào những tín đồ vừa cúng bái vừa buôn bán. Trông thấy sư phụ, tu sĩ mừng rỡ chạy ra chào. Sư phụ ôn tồn hỏi tại sao lại có sự thay đổi như thế. Tu sĩ trả lời, 'thưa thầy, thật tâm con muốn tu hành nhưng tại lũ chuột cứ cắn rách áo hoài. Để bảo vệ cái áo con nuôi mèo. Để có sữa cho mèo ăn, con phải nuôi bò, và để có rau nuôi bò, con phải canh tác. Rồi thì trúng mùa liên tiếp, sức con làm không xuể nên phải gọi thêm người làm giúp, rồi thì buôn bán thành công, tiền bạc nhiều thêm, con phải đích thân trông nom mọi việc. Sau đó con cho xây cất đền thờ to tát, đúc tượng thật vĩ đại, con còn mướn người lo việc cúng tế, nhang đèn cẩn thận'. Sư phụ thở dài, 'xây cất đền thờ thật to chỉ là trói

buộc, nào phải giải thoát. Tụ tập tín đồ cho đông, ồn ào phức tạp, chỉ gây trở ngại cho việc thanh tu. Chỉ vì một cái khố rách mà con đã đi thật xa, xa hẳn con đường mà ta đã chỉ dạy nhằm việc giải thoát. Con chỉ lầm lẫn một chút mà đã đi lệch lúc nào không hay, trói buộc vào các thứ đó rồi làm sao có thể thoát được ?' "

Ram Gopal yên lặng như đắm chìm vào quá khứ, một lúc sau ông nói thật khẽ :

- Các ông thấy câu chuyện thật khôi hài phải không ? Nhưng đó là chuyện thật, vì tôi chính là vị tu sĩ trẻ đó. Sau khi nghe thầy nói xong, tôi tỉnh ngộ, và hiểu con đường tu hành giải thoát chân chính là thế nào. Tôi lập tức rời bỏ tất cả để theo thầy lên núi Tuyết Sơn học đạo. Suốt mấy chục năm tu hành tinh tấn, sư phụ mới sai tôi

đến đây thành lập đạo viện này để chữa bệnh và chỉ dạy đệ tử phương pháp tu thân. Vì kinh nghiệm quá khứ, tôi cương quyết chủ trương kẻ đã tu hành phải tuyệt sở hữu và lúc nào cũng phải tự mình kiểm thảo hàng giờ, hàng phút vì sai một ly là đi một dặm.

Mọi người ngồi yên tưởng tượng ra cảnh một đạo sĩ trẻ tuổi trước sự cám dỗ của thành công vật chất. Giáo sư Mortimer lên tiếng :

- Theo ông thì ngoài vấn đề vật chất, người tu còn gặp những khó khăn gì nữa ? Từ bỏ vật chất có đem lại giải thoát không ?

- Bất cứ một sự cởi bỏ nào cũng làm nhẹ gánh, vật chất là một nô bộc tốt nhưng là một chủ nhân rất xấu. Nhiều người tu vô tình quá chú trọng đến tiền bạc mà quên rằng đồng tiền có

hai mặt. Nhiều người cho rằng sử dụng vật chất là để phát huy tôn giáo, giúp đỡ các tín đồ có nơi tu học. Dĩ nhiên ,mục đích rất tốt đẹp, nhưng nếu quá chú trọng vào hình thức sẽ đưa đến sự xao lãng vấn đề tinh thần. Một tu sĩ cần phải ý thức rằng mình vẫn là kẻ đang đi trên đường, đang cố gắng tìm kiếm chân lý hầu được giải thoát, chứ chưa đi trọn con đường, thì đừng đòi làm những việc to lớn. Họ chỉ nên làm việc một cách nhiệt thành nhưng không nên làm nô lệ cho những công việc này. Một trở ngại lớn trên đường đạo là sự thiếu nhiệt thành, đa số chúng ta đều quen buông lung, do dự, không đủ cương quyết nên sẽ phải trải qua những kinh nghiệm chua cay, khổ sở để học hỏi các bài học quý giá này. Tất cả chúng ta vẫn đồng ý rằng cuộc đời là

ảo mộng, phù du, vô thường, gỉa tạo chỉ có con đường tu hành mới là giải thoát thế nhưng tại sao chúng ta vẫn chạy theo vật chất, chả chịu tu tâm dưỡng tánh ?

Giaó sư Mortimer phản đối :

- Người tu hành và kẻ thường khác nhau nhiều, chúng tôi còn phải lo sinh kế, kiếm ăn…

Ram Gopal mỉm cười :

- Một ngày có 24 giờ, có lý nào vì sinh kế mà các ông phải dành trọn để lo việc kiếm ăn. Tại đạo viện này, mọi người chỉ bỏ ra một giờ để trồng trọt các thực phẩm thì vẫn đủ kia mà. Ta dư ăn thì lại muốn ăn ngon, đủ sống thì lại muốn sống cho sang giàu, được giàu sang lại muốn giàu hơn nữa. Rồi ta lại nguỵ biện rằng phải lo kiếm ăn, sinh kế có phải thế không ? Người Âu Mỹ hoạt

động không ngừng, coi sự làm việc là nguồn vui, do đó mới sinh lắm bệnh tật, phiền não, thần kinh suy nhược, vì nhu cầu tâm linh không thoả mãn. Tại sao ta không hoạt động như thế cho nhu cầu tâm linh?

- Người Âu không thể chấp nhận vấn đề làm việc cho một cái gì mơ hồ, cho một viễn ảnh tâm linh không thực tế.

Ram Gopal lắc đầu :

- Khi nào đời sống vật chất trở nên cực kỳ phức tạp, phiền não thì con người sẽ ý thức đến vấn đề tâm linh. Đã có nhiều vị tiểu vương, triệu phú từ bỏ tất cả tài sản để vào đây tu hành khi mạng sống của họ bị đe doạ bởi bệnh tật, vì họ biết không thể ôm lấy tài sản rồi chết. Sau khi từ bỏ tất cả, đầu óc thoải mái thanh thản, họ lại thấy

việc trau dồi tâm linh là quý, thế là họ phát nguyện tu hành, sống một cuộc đời trong sạch, ung dung, tự tại. Nếu chỉ là miếng ăn thì chỉ cần làm việc khoảng một giờ là đủ rồi, nhưng vì không biết an phận nên mới có các trói buộc vào vật chất, không lối thoát. Các ông cho rằng tu hành chỉ cần ăn mặc đẹp đẽ, đi đến các đền thờ dâng cúng phẩm vật, tiền bạc, đọc vài câu kinh là đã đủ hay sao ? Những cái đó chỉ là hình tướng bên ngoài, không có nghĩa chi hết. Ngay cả việc trở nên môt tu sĩ mà không chịu tu thân, trau dồi tâm linh cũng vô ích thôi vì các phiền muộn đau khổ vẫn còn kia mà.

- Như thế thì thế nào mới là tu hành thật sự ?

- Bước vào con đường đạo là tự sửa mình, thấy gì ác không làm, thấy gì thiện thì nhất định làm

cho đến cùng. Luôn luôn tự giác, kiểm thảo lấy mình và quan sát, học hỏi không ngừng. Nếu các ông buôn bán, thấy có lợi các ông có dồn sức ra buôn bán nữa không ? Dĩ nhiên là có, thì việc tu hành cũng thế, tại sao ta không lo cho nhu cầu tinh thần như ta đã lo cho vật chất? Tại sao ta lại cứ hứa hẹn nay mai sẽ sửa tánh, tu thần như người khất nợ vậy ? Tu hành không phải việc chơi mà làm một cách cẩu thả. Đó là một quyết định quan trọng vô cùng. Đừng nghĩ bộ áo có thể làm nên nhà tu, đừng nghĩ mình sẽ được một đấng nào giúp đỡ, đó là một sự hiểu lầm tai hại. Đa số các tín đồ đều mong chờ sự giúp đỡ của đấng mình tôn thờ. Họ cho rằng thuộc lòng các câu kinh, thi hành vài nghi lễ, dâng cúng các phẩm vật là đã làm tròn bổn phận và sẽ được

cứu rỗi. Nếu điều này đúng thì các bậc vua chúa đã lên thiên đàng hết cả vì họ dâng cúng nhiều hơn mọi người kia mà. Tu hành đòi hỏi sự tận tâm, tận lực cải thiện con người của mình để xứng đáng là con của thượng đế, chứ không phải dựa vào vài hình thức bên ngoài. Đa số tín đồ coi việc tu như đi xe buýt, muốn đến đâu chỉ việc mua vé rồi leo lên xe ngồi, ngắm cảnh vật hai bên đường, ung dung cho tài xế lái, khi đến nơi, là họ xuống xe không chút mệt nhọc gì hết. Tu hành chân chính là tự mình cất bước. Thiên đàng không phải nơi mà ta có thể mua vé đến, cũng không thể mong dâng cúng vài thứ mà được các vị thần linh che chở. Giải thoát chỉ đến với sự tinh tấn riêng của từng người . Khi hiểu như thế ta cần lập tức lên đường không chậm

trễ. Hãy lấy niềm tin làm bạn đồng hành, tận dụng các cơ hội sẵn có để sửa mình hầu giải thoát cho chính mình. Con đường tu có trăm nẻo đi, không nẻo nào giống nẻo nào nhưng tất cả đều đưa đến mục đích. Sự chọn lựa con đường hoàn toàn do cá nhân nhưng họ cần suy gẫm cẩn thận để khỏi lầm đường, lạc nẻo. Tu hành chân chính dựa trên căn bản "tự biết mình", vì trên đường đạo không có vấn đề vinh hay nhục, mà chỉ có sự tiến bộ. Do đó, người tu phải dẹp bỏ tự ái, ngã mạn, mặc cảm, không hổ thẹn, ngã lòng để tinh tấn tiến bước. Nếu sa ngã lại đứng dậy và tiếp tục, lúc nào cũng định hướng không để cho lầm đường lạc lối. Những kẻ tự cao, tự đại không chịu tu thân sửa mình, thật đáng thương vì họ giống như người bệnh sắp chết, mà không

chịu uống thuốc xả ly, dứt bỏ cho khỏi bệnh. Ram Gopal ngừng nói, chiều xuống đã lâu chỉ còn vài tia nắng vương vấn trên thân thể cực kỳ lực lưỡng của vị đạo sĩ xứ Ấn. Phái đoàn yên lặng bái phục sự giải thích chân lý thật giản dị, khiêm tốn của người mà dân chúng coi là "vị đạo sĩ có thể chữa mọi thứ bệnh".

hết: Chương VII, xem tiếp: Chương VIII

Chương VIII

Đời sống siêu nhân loại

Cuộc gặp gỡ những đạo sư đại diện cho nền minh triết cổ truyền xứ Ấn, đã làm cho phái đoàn phấn khởi, nhưng còn các bậc Chân Sư (Rishi), những vị này như thế nào ? Tại sao một